VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 13/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2017 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền Thành phố Hồ Chí Minh

(Tiếp theo Công báo số 569 + 570)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 1	DC	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 56"	106° 43' 45"					C-48-34-A-b
Khu phố 2	DC	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 53' 05"	106° 43' 31"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 32"	106° 44' 04"					C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 29"	106° 44' 27"					C-48-34-A-b
Khu phố 5	DC	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 40"	106° 44' 36"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 41"	106° 44' 45"					C-48-34-A-b
Quốc lộ 1	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
Đường tỉnh 10	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'16"	106°43'54"	10°53'08"	106°44'06"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
đường Bình Chiểu	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'24"	106°43'51"	10°53'08"	106°44'06"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
Khu công nghiệp Bình Chiểu	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 53' 04"	106° 43' 52"					C-48-34-A-b
chợ Bình Chiểu	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 51"	106° 43' 43"					C-48-34-A-b
giáo xứ Bình Chiểu	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 56"	106° 43' 43"					C-48-34-A-b
chùa Bửu Quang Tự	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 28"	106° 44' 10"					C-48-34-A-d
giáo xứ Khiết Tâm	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 52' 36"	106° 44' 32"					C-48-34-A-b
đường Lê Thị Hoa	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'32"	106°44'50"	10°52'22"	106°43'52"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
khu chế xuất Linh Trung II	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 53' 24"	106° 43' 13"					C-48-34-A-b
đường Ngô Chí Quốc	KX	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'33"	106°43'48"	10°53'48"	106°43'00"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
kênh Ba Bò	TV	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°53'16"	106°43'47"	10°52'48"	106°43'10"	C-48-34-A-b
Rạch Cùng	TV	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°53'27"	106°42'41"	10°52'55"	106°42'58"	C-48-34-A-b
rạch Nước Trong	TV	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'48"	106°43'10"	10°52'21"	106°43'18"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Vĩnh Bình	TV	P. Bình Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'20"	106°43'21"	10°52'00"	106°42'40"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 51' 00"	106° 45' 35"					C-48-34-B-c
Khu phố 2	DC	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 53"	106° 45' 45"					C-48-34-B-c
Khu phố 3	DC	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 56"	106° 46' 05"					C-48-34-B-c
Khu phố 4	DC	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 37"	106° 45' 53"					C-48-34-B-c
Công ty Dệt Việt Thắng	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 46"	106° 45' 41"					C-48-34-B-c
đường Đặng Văn Bi	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức			10°51'06"	106°45'25"	10°50'20"	106°45'56"	C-48-34-B-c
xa lộ Hà Nội	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức			10°48'03"	106°43'47"	10°51'49"	106°47'38"	C-48-34-B-c
chùa Huê Nghiêm	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 51' 00"	106° 45' 29"					C-48-34-B-c
Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 35"	106° 45' 46"					C-48-34-B-c
nhà hưu dưỡng Linh mục Bắc Ninh	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 54"	106° 45' 37"					C-48-34-B-c
chùa Một Cột	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 47"	106° 45' 36"					C-48-34-B-c
đường Võ Văn Ngân	KX	P. Bình Thọ	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°51'01"	106°46'19"	C-48-34-B-c
Khu phố 1	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 52"	106° 42' 34"					C-48-34-A-d
Khu phố 2	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 54"	106° 42' 51"					C-48-34-A-d
Khu phố 3	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 33"	106° 42' 47"					C-48-34-A-d
Khu phố 4	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 35"	106° 43' 17"					C-48-34-A-d
Khu phố 5	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 51"	106° 43' 41"					C-48-34-A-d
Khu phố 6	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 06"	106° 43' 23"					C-48-34-A-d
Khu phố 7	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 24"	106° 43' 34"					C-48-34-A-d
Khu phố 8	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 38"	106° 44' 00"					C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 9	DC	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 11"	106° 43' 53"					C-48-34-A-d
Quốc lộ 13	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			10°48'40"	106°42'38"	10°52'10"	106°42'49"	C-48-34-A-d
chùa An Lạc	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 17"	106° 43' 52"					C-48-34-A-d
cầu Bảy Nhạo	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 47"	106° 43' 25"					C-48-34-A-d
cầu Bình Lợi	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 37"	106° 42' 26"					C-48-34-A-d
chợ Bình Triệu	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 52"	106° 42' 47"					C-48-34-A-d
ga Bình Triệu	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 47"	106° 42' 58"					C-48-34-A-d
cầu Bình Triệu 1	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 20"	106° 42' 43"					C-48-34-A-d
cầu Bình Triệu 2	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 21"	106° 42' 41"					C-48-34-A-d
đường Hiệp Bình	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			10°50'19"	106°43'50"	10°51'02"	106°43'01"	C-48-34-A-d
Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 52"	106° 42' 43"					C-48-34-A-d
cầu Ông Dầu	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 50' 09"	106° 42' 44"					C-48-34-A-d
chùa Ưu Đàm	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 52"	106° 43' 13"					C-48-34-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			10°48'55"	106°40'37"	10°52'28"	106°45'48"	C-48-34-A-d
cầu Phạm Văn Đồng	KX	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức	10° 49' 32"	106° 42' 29"					C-48-34-A-d
Rạch Đỉa	TV	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			10°52'03"	106°43'29"	10°50'11"	106°43'08"	C-48-34-A-d
rạch Gò Dưa	TV	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			10°51'34"	106°43'40"	10°50'11"	106°44'16"	C-48-34-A-d
rạch Ông Dầu	TV	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			10°50'11"	106°43'08"	10°50'06"	106°42'23"	C-48-34-A-d
sông Sài Gòn	TV	P. Hiệp Bình Chánh	Q. Thủ Đức			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 52' 00"	106° 43' 01"					C-48-34-A-d
Khu phố 2	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 52' 14"	106° 43' 16"					C-48-34-A-d
Khu phố 3	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 51' 31"	106° 43' 12"					C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 51' 27"	106° 43' 26"					C-48-34-A-d
Khu phố 5	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 46"	106° 42' 30"					C-48-34-A-d
Khu phố 6	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 36"	106° 43' 10"					C-48-34-A-d
khu dân cư Công viên giải trí Hiệp Bình Phước	DC	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 42"	106° 42' 31"					C-48-34-A-d
Quốc lộ 1	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-A-d
Quốc lộ 13	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°48'40"	106°42'38"	10°52'10"	106°42'49"	C-48-34-A-d
cầu Bảy Nhạo	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 47"	106° 43' 25"					C-48-34-A-d
cầu Bình Phước	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 51' 45"	106° 42' 55"					C-48-34-A-d
đình Bình Phước	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 52' 03"	106° 42' 45"					C-48-34-A-d
đình Bình Triệu	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 09"	106° 42' 27"					C-48-34-A-d
dòng tu Đa Minh	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 51' 44"	106° 43' 12"					C-48-34-A-d
cầu Đúc Nhỏ	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 51' 08"	106° 43' 05"					C-48-34-A-d
đường Hiệp Bình	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°50'19"	106°43'50"	10°51'02"	106°43'01"	C-48-34-A-d
cầu Ông Dầu	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 09"	106° 42' 44"					C-48-34-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất cân Nhơn Hòa	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 50' 37"	106° 43' 03"					C-48-34-A-d
cầu Vĩnh Bình	KX	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức	10° 52' 10"	106° 42' 49"					C-48-34-A-d
Rạch Đá	TV	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°50'42"	106°42'49"	10°50'14"	106°42'18"	C-48-34-A-d
Rạch Đỉa	TV	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°52'03"	106°43'29"	10°50'11"	106°43'08"	C-48-34-A-d
rạch Nhiêu Định	TV	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°52'03"	106°43'29"	10°52'20"	106°43'21"	C-48-34-A-d
rạch Ông Dầu	TV	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°50'11"	106°43'08"	10°50'06"	106°42'23"	C-48-34-A-d
sông Sài Gòn	TV	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Vĩnh Bình	TV	P. Hiệp Bình Phước	Q. Thủ Đức			10°52'20"	106°43'21"	10°52'00"	106°42'40"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 33"	106° 45' 31"					C-48-34-B-c
Khu phố 2	DC	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 11"	106° 45' 22"					C-48-34-B-c
Khu phố 3	DC	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 22"	106° 45' 38"					C-48-34-B-c
Khu phố 4	DC	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 14"	106° 45' 52"					C-48-34-B-c
Khu phố 5	DC	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 11"	106° 46' 05"					C-48-34-B-c
Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 12"	106° 45' 22"					C-48-34-B-c
đường Hoàng Diệu 2	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức			10°51'44"	106°45'33"	10°51'20"	106°46'16"	C-48-34-B-c
đường Kha Vạn Cân	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức			10°52'04"	106°45'38"	10°50'31"	106°44'25"	C-48-34-B-c
Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 32"	106° 45' 40"					C-48-34-B-c
Chùa Ông	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 12"	106° 45' 12"					C-48-34-B-c
Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 10"	106° 46' 16"					C-48-34-B-c
giáo xứ Thủ Đức	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức	10° 51' 10"	106° 45' 19"					C-48-34-B-c
đường Võ Văn Ngân	KX	P. Linh Chiểu	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°51'01"	106°46'19"	C-48-34-B-c
Khu phố 1	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 34"	106° 44' 32"					C-48-34-A-d
Khu phố 2	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 30"	106° 44' 41"					C-48-34-A-d
Khu phố 3	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 21"	106° 44' 53"					C-48-34-A-d
Khu phố 4	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 21"	106° 44' 36"					C-48-34-A-d
Khu phố 5	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 51"	106° 44' 59"					C-48-34-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 6	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 57"	106° 44' 54"					C-48-34-A-d
Khu phố 7	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 57"	106° 44' 36"					C-48-34-A-d
Khu phố 8	DC	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 27"	106° 44' 27"					C-48-34-A-d
tuyến đò Bình Quới	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 08"	106° 44' 34"					C-48-34-A-d
đình Bình Quới Đông	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 57"	106° 44' 45"					C-48-34-A-d
đường Kha Vạn Cân	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			10°52'04"	106°45'38"	10°50'31"	106°44'25"	C-48-34-B-c; C-48-34-A-d
chùa Linh Hiển	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 15"	106° 44' 46"					C-48-34-A-d
giáo xứ Nguyễn Duy Khang	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 32"	106° 44' 35"					C-48-34-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			10°48'55"	106°40'37"	10°52'28"	106°45'48"	C-48-34-A-d
chùa Quan Âm	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 50' 55"	106° 44' 47"					C-48-34-A-d
nhà thờ Tin Lành	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức	10° 51' 20"	106° 44' 58"					C-48-34-A-d
đường Tô Ngọc Vân	KX	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°52'16"	106°43'54"	C-48-34-A-d
rạch Cầu Ngang	TV	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			10°50'31"	106°45'20"	10°50'05"	106°44'43"	C-48-34-B-c; C-48-34-A-d
rạch Gò Dưa	TV	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			10°51'34"	106°43'40"	10°50'11"	106°44'16"	C-48-34-A-d
Rạch Lùng	TV	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			10°51'11"	106°44'45"	10°50'46"	106°44'14"	C-48-34-A-d
sông Sài Gòn	TV	P. Linh Đông	Q. Thủ Đức			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 46"	106° 45' 17"					C-48-34-B-c
Khu phố 2	DC	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 24"	106° 45' 12"					C-48-34-B-c
Khu phố 3	DC	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 22"	106° 45' 02"					C-48-34-B-c
Khu phố 4	DC	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 12"	106° 44' 59"					C-48-34-A-d
Khu phố 5	DC	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 50"	106° 45' 05"					C-48-34-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (Cơ sở 2)	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 36"	106° 45' 13"					C-48-34-B-c
đường Kha Vạn Cân	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức			10°52'04"	106°45'38"	10°50'31"	106°44'25"	C-48-34-B-c
chùa Long Nhiễu	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 28"	106° 45' 01"					C-48-34-B-c
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức			10°48'55"	106°40'37"	10°52'28"	106°45'48"	C-48-34-B-c
đường Số 12	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức			10°52'06"	106°45'38"	10°52'00"	106°45'07"	C-48-34-B-c
chợ Thủ Đức A	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 04"	106° 45' 09"					C-48-34-B-c
đường Tô Ngọc Vân	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°52'16"	106°43'54"	C-48-34-B-c; C-48-34-A-d
Học viện Tư Pháp	KX	P. Linh Tây	Q. Thủ Đức	10° 51' 30"	106° 45' 19"					C-48-34-B-c
Khu phố 1	DC	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 37"	106° 46' 44"					C-48-34-B-c
Quốc lộ 1	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
Khu phố 2	DC	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 47"	106° 45' 44"					C-48-34-B-c
Khu phố 3	DC	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 32"	106° 46' 07"					C-48-34-B-c
Khu phố 4	DC	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 10"	106° 46' 00"					C-48-34-B-c
Khu phố 5	DC	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 48"	106° 47' 15"					C-48-34-B-c
Khu phố 6	DC	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 07"	106° 47' 43"					C-48-34-B-c
Trường Đại học An Ninh	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 21"	106° 48' 12"					C-48-34-B-c
Suối Bà Tô	TV	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°52'08"	106°47'17"	10°51'19"	106°47'26"	C-48-34-B-c
Công ty cổ phần Bột giặt LIX	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 25"	106° 45' 35"					C-48-34-B-c
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 47"	106° 46' 42"					C-48-34-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện tử Sam Sung VINA	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 07"	106° 46' 36"					C-48-34-B-c
xa lộ Hà Nội	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°48'03"	106°43'47"	10°51'49"	106°47'38"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
đường Hoàng Diệu 2	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°51'44"	106°45'33"	10°51'20"	106°46'16"	C-48-34-B-c
Trung tâm Huấn luyện và Bồi dưỡng nghiệp vụ công an Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 40"	106° 45' 49"					C-48-34-B-c
đường Kha Vạn Cân	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°52'04"	106°45'38"	10°50'31"	106°44'25"	C-48-34-B-c
khu chế xuất Linh Trung I	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 07"	106° 46' 01"					C-48-34-B-c
Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 20"	106° 47' 20"					C-48-34-B-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nước giải khát Coca - Cola Việt Nam	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 31"	106° 47' 01"					C-48-34-B-c
Nhà máy Nước Thủ Đức	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 22"	106° 46' 32"					C-48-34-B-c
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°48'55"	106°40'37"	10°52'28"	106°45'48"	C-48-34-B-c
Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 52' 13"	106° 47' 41"					C-48-34-B-c
cầu Suối Cái	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 30"	106° 47' 05"					C-48-34-B-c
nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 47"	106° 46' 03"					C-48-34-B-c
Tổng công ty Việt Thắng	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức	10° 51' 52"	106° 46' 23"					C-48-34-B-c
đường Võ Văn Ngân	KX	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°51'01"	106°46'19"	C-48-34-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Nhum	TV	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°53'39"	106°46'03"	10°51'30"	106°47'05"	C-48-34-B-c
Suối Tiên	TV	P. Linh Trung	Q. Thủ Đức			10°52'05"	106°47'59"	10°51'00"	106°48'13"	C-48-34-B-c
Khu phố 1	DC	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 52' 57"	106° 46' 24"					C-48-34-B-a
Khu phố 2	DC	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 52' 40"	106° 45' 43"					C-48-34-B-a
Khu phố 3	DC	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 52' 31"	106° 45' 58"					C-48-34-B-a
Khu phố 4	DC	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 53' 07"	106° 45' 51"					C-48-34-B-a
Khu phố 5	DC	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 53' 14"	106° 46' 08"					C-48-34-B-a
Quốc lộ 1	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
Quốc lộ 1K	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức			10°53'18"	106°46'24"	10°52'28"	106°45'48"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
Công ty cổ phần Giấy Linh Xuân	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 53' 20"	106° 46' 12"					C-48-34-B-a
Công ty cổ phần Giấy Vĩnh Huê	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 53' 11"	106° 46' 25"					C-48-34-B-a
Trường Đại học Kinh tế luật	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 52' 18"	106° 46' 34"					C-48-34-B-c
Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn Ship	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 52' 22"	106° 46' 25"					C-48-34-B-c
đình thần Xuân Hiệp	KX	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức	10° 52' 42"	106° 45' 48"					C-48-34-B-a
Suối Nhum	TV	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức			10°53'39"	106°46'03"	10°51'19"	106°47'26"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
kênh Suối Nhum	TV	P. Linh Xuân	Q. Thủ Đức			10°52'48"	106°45'40"	10°52'14"	106°46'43"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
Khu phố 1	DC	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 25"	106° 44' 38"					C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 2	DC	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 15"	106° 44' 26"					C-48-34-A-d
Khu phố 3	DC	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 10"	106° 44' 16"					C-48-34-A-d
Khu phố 4	DC	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 51' 59"	106° 43' 53"					C-48-34-A-d
Khu phố 5	DC	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 24"	106° 43' 45"					C-48-34-A-d
Quốc lộ 1	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
đường tỉnh 43	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức			10°52'16"	106°43'54"	10°53'08"	106°44'06"	C-48-34-A-d
Miếu Bà	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 04"	106° 43' 54"					C-48-34-A-d
đan viện Biển Đức	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 12"	106° 44' 22"					C-48-34-A-d
đường Ngô Chí Quốc	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức			10°52'33"	106°43'48"	10°53'48"	106°43'00"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
nhà thờ Tam Hải	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 52' 20"	106° 44' 28"					C-48-34-A-d
đường Tô Ngọc Vân	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°52'16"	106°43'54"	C-48-34-A-d
chùa Viên Giác	KX	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức	10° 51' 51"	106° 44' 02"					C-48-34-A-d
rạch Đỉa	TV	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức			10°52'03"	106°43'29"	10°50'11"	106°43'08"	C-48-34-A-d
rạch Nhiêu Định	TV	P. Tam Bình	Q. Thủ Đức			10°52'03"	106°43'29"	10°52'20"	106°43'21"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức	10° 51' 47"	106° 44' 26"					C-48-34-A-d
Khu phố 2	DC	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức	10° 51' 12"	106° 44' 12"					C-48-34-A-d
Khu phố 3	DC	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức	10° 51' 43"	106° 44' 51"					C-48-34-A-d
Khu phố 4	DC	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức	10° 51' 52"	106° 44' 43"					C-48-34-A-d
Khu phố 5	DC	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức	10° 52' 00"	106° 44' 34"					C-48-34-A-d
chùa Châu Hưng	KX	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức	10° 51' 40"	106° 44' 11"					C-48-34-A-d
đường Tô Ngọc Vân	KX	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°52'16"	106°43'54"	C-48-34-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Đỉa	TV	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức			10°52'03"	106°43'29"	10°50'11"	106°43'08"	C-48-34-A-d
rạch Gò Dưa	TV	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức			10°51'34"	106°43'40"	10°50'11"	106°44'16"	C-48-34-A-d
Rạch Lùng	TV	P. Tam Phú	Q. Thủ Đức			10°51'11"	106°44'45"	10°50'46"	106°44'14"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 51' 04"	106° 45' 15"					C-48-34-B-c
Khu phố 2	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 59"	106° 45' 09"					C-48-34-B-c
Khu phố 3	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 54"	106° 45' 17"					C-48-34-B-c
Khu phố 4	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 51"	106° 45' 26"					C-48-34-B-c
Khu phố 5	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 36"	106° 45' 37"					C-48-34-B-c
Khu phố 6	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 11"	106° 45' 32"					C-48-34-B-c
Khu phố 7	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 49' 53"	106° 45' 29"					C-48-34-B-c
Khu phố 8	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 07"	106° 44' 59"					C-48-34-B-c
Khu phố 9	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 25"	106° 44' 56"					C-48-34-A-d
làng Picasso	DC	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 51' 02"	106° 45' 23"					C-48-34-B-c
đình Bình Thọ	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 49' 55"	106° 45' 26"					C-48-34-B-c
đường Đặng Văn Bi	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°51'06"	106°45'25"	10°50'20"	106°45'56"	C-48-34-B-c
xa lộ Hà Nội	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°48'03"	106°43'47"	10°51'49"	106°47'38"	C-48-34-B-c
đường Kha Vạn Cân	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°52'04"	106°45'38"	10°50'31"	106°44'25"	C-48-34-B-c
Xí nghiệp Kho Vận	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 37"	106° 45' 25"					C-48-34-B-c
cầu Rạch Chiếc	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 48' 51"	106° 45' 19"					C-48-34-B-c
Công ty cổ phần Sữa Trường Thọ	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 39"	106° 45' 34"					C-48-34-B-c
Công ty cổ phần Thép Thủ Đức	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 49' 36"	106° 45' 19"					C-48-34-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Trúc Lâm	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 35"	106° 45' 01"					C-48-34-B-c
đình Trường Thọ	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 50' 04"	106° 45' 18"					C-48-34-B-c
đường Võ Văn Ngân	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°51'08"	106°45'12"	10°51'01"	106°46'19"	C-48-34-B-c
Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 49' 17"	106° 45' 17"					C-48-34-B-c
cảng Z1	KX	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức	10° 49' 06"	106° 45' 07"					C-48-34-B-c
rạch Cầu Ngang	TV	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°50'31"	106°45'20"	10°50'05"	106°44'43"	C-48-34-A-d; C-48-34-A-c
Rạch Đào	TV	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°50'00"	106°44'50"	10°48'51"	106°45'05"	C-48-34-A-d; C-48-34-A-c
sông Rạch Chiếc	TV	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			10°48'50"	106°44'58"	10°48'57"	106°47'10"	C-48-34-A-d; C-48-34-A-c
sông Sài Gòn	TV	P. Trường Thọ	Q. Thủ Đức			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-d
Khu phố 1	DC	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 41' 39"	106° 34' 37"					C-48-34-C-a
Khu phố 2	DC	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 41' 19"	106° 33' 25"					C-48-34-C-a
Khu phố 3	DC	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 40' 52"	106° 34' 40"					C-48-34-C-a
Khu phố 4	DC	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 41' 12"	106° 35' 12"					C-48-34-C-a
Khu phố 5	DC	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 41' 36"	106° 35' 13"					C-48-34-C-a
Quốc lộ 1	KX	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-C-a
cầu Bình Điền	KX	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 42' 10"	106° 35' 44"					C-48-34-C-a
cầu Chợ Đệm	KX	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 41' 44"	106° 34' 41"					C-48-34-C-a
chùa Pháp Tâm	KX	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh	10° 41' 00"	106° 35' 02"					C-48-34-C-a
đường Tân Tạo - Chợ Đệm	KX	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°46'02"	106°35'20"	10°41'08"	106°33'55"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°41'26"	106°35'33"	10°40'51"	106°32'59"	C-48-34-C-a
rạch Bà Ba	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°40'57"	106°34'40"	10°41'46"	106°34'47"	C-48-34-C-a
rạch Bà Môn	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°41'01"	106°35'19"	10°41'54"	106°35'10"	C-48-34-C-a
rạch Cả Tắc	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°40'53"	106°33'26"	10°41'00"	106°32'59"	C-48-34-C-a
sông Chợ Đệm	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°41'12"	106°32'05"	10°42'40"	106°37'00"	C-48-34-C-a
rạch Ngọn Đình	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°40'34"	106°33'25"	10°40'50"	106°34'04"	C-48-34-C-a
rạch Ông Đồ	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°39'55"	106°34'03"	10°41'33"	106°34'04"	C-48-34-C-a
rạch Ông Thoàn	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°40'27"	106°33'06"	10°41'17"	106°32'44"	C-48-34-C-a
Rạch Thuyền	TV	TT. Tân Túc	H. Bình Chánh			10°40'40"	106°33'22"	10°40'53"	106°33'26"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh	10° 41' 13"	106° 35' 38"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh	10° 40' 58"	106° 36' 23"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh	10° 41' 29"	106° 36' 39"					C-48-34-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-C-a
thánh thất An Phú Tây	KX	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh	10° 40' 57"	106° 36' 18"					C-48-34-C-a
cầu Bình Điền	KX	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh	10° 42' 10"	106° 35' 44"					C-48-34-C-a
cầu Cần Giuộc	KX	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh	10° 41' 52"	106° 37' 12"					C-48-34-C-a
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°45'13"	106°43'36"	10°41'26"	106°35'33"	C-48-34-C-a
kênh T11	TV	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°41'01"	106°35'31"	10°40'13"	106°36'32"	C-48-34-C-a
sông Cần Giuộc	TV	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°37'00"	10°38'36"	106°40'18"	C-48-34-C-a
rạch Cầu Gia	TV	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°40'46"	106°36'49"	10°41'38"	106°37'19"	C-48-34-C-a
sông Chợ Đệm	TV	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°41'12"	106°32'05"	10°42'40"	106°37'00"	C-48-34-C-a
rạch Lồng Đèn	TV	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°41'20"	106°35'59"	10°42'02"	106°37'09"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Rạch Cung	TV	xã An Phú Tây	H. Bình Chánh			10°40'49"	106°35'47"	10°41'20"	106°35'59"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 40' 11"	106° 33' 51"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 39' 53"	106° 33' 31"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 39' 33"	106° 34' 22"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 40' 02"	106° 34' 26"					C-48-34-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-C-a
nhà thờ Bình Chánh	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 39' 42"	106° 33' 52"					C-48-34-C-a
đường Đinh Đức Thiện	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°39'57"	106°34'05"	10°39'14"	106°35'06"	C-48-34-C-a
đường Đoàn Nguyễn Tuấn	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°40'30"	106°34'43"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-a
đường Hoàng Phan Thái	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°39'55"	106°34'02"	10°40'27"	106°33'06"	C-48-34-C-a
cầu Ông Thoàn	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 40' 27"	106° 33' 06"					C-48-34-C-a
chùa Phước Thiện	KX	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh	10° 39' 47"	106° 34' 19"					C-48-34-C-a
rạch Ngọn Đình	TV	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°40'34"	106°33'25"	10°40'50"	106°34'04"	C-48-34-C-a
rạch Ông Cốm	TV	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°39'51"	106°32'58"	10°40'27"	106°33'06"	C-48-34-C-a
rạch Ông Đồ	TV	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°39'55"	106°34'03"	10°41'33"	106°34'04"	C-48-34-C-a
rạch Ông Thoàn	TV	xã Bình Chánh	H. Bình Chánh			10°40'27"	106°33'06"	10°41'17"	106°32'44"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 36"	106° 39' 17"					C-48-34-C-b
ấp 1A	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 46"	106° 39' 25"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 28"	106° 39' 11"					C-48-34-C-b
ấp 2A	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 48"	106° 39' 09"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 42' 58"	106° 39' 10"					C-48-34-C-b
ấp 3A	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 03"	106° 39' 17"					C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp 3B	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 31"	106° 39' 59"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 59"	106° 40' 16"					C-48-34-C-b
ấp 4A	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 59"	106° 40' 39"					C-48-34-C-b
ấp 4B	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 44' 14"	106° 41' 23"					C-48-34-C-b
Ấp 5	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 09"	106° 40' 50"					C-48-34-C-b
ấp 5A	DC	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 15"	106° 41' 07"					C-48-34-C-b
Quốc lộ 50	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°44'33"	106°39'16"	10°38'40"	106°39'19"	C-48-34-C-b
cầu Bà Lớn	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 42' 50"	106° 38' 45"					C-48-34-C-b
nhà thờ Bình Hưng	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 43"	106° 39' 16"					C-48-34-C-b
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°45'13"	106°43'36"	10°41'26"	106°35'33"	C-48-34-C-b
cầu Ông Bé	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 44"	106° 41' 04"					C-48-34-C-b
cầu Ông Lớn	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 44"	106° 41' 18"					C-48-34-C-b
đường Phạm Hùng	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°44'57"	106°40'02"	10°42'17"	106°40'55"	C-48-34-C-b
cầu Xóm Củi	KX	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh	10° 43' 40"	106° 40' 06"					C-48-34-C-b
rạch Bà Lào	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°43'36"	106°39'39"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
rạch Bà Lớn	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°42'41"	106°39'07"	10°43'47"	106°38'19"	C-48-34-C-b
rạch Bồ Đề	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°43'55"	106°39'19"	10°44'07"	106°39'50"	C-48-34-C-b
rạch Gò Nổi	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°42'56"	106°40'46"	10°41'35"	106°40'17"	C-48-34-C-b
rạch Ông Bé	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°44'58"	106°40'42"	10°43'35"	106°41'17"	C-48-34-C-b
rạch Ông Lớn	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°41'18"	10°41'35"	106°41'48"	C-48-34-A-d; C-48-34-C-b
Rạch Su	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°43'57"	106°38'50"	10°43'26"	106°38'52"	C-48-34-C-b
rạch Tắc Bến Rô	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°43'13"	106°40'39"	10°42'48"	106°41'13"	C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Xáng	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°44'33"	106°41'25"	10°44'26"	106°40'53"	C-48-34-C-b
rạch Xóm Củi	TV	xã Bình Hưng	H. Bình Chánh			10°44'07"	106°39'50"	10°43'11"	106°40'21"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 43' 55"	106° 30' 52"					C-48-33-C-a
Ấp 2	DC	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 44' 28"	106° 29' 54"					C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 45' 37"	106° 29' 11"					C-48-33-B-d
Ấp 4	DC	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 47' 05"	106° 30' 34"					C-48-34-A-c
Đường tỉnh 10	KX	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'26"	106°37'22"	10°47'41"	106°30'15"	C-48-34-A-c
tuyến đò Bình Lợi	KX	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 45' 11"	106° 28' 45"					C-48-33-B-d
cầu Kênh Rau Răm	KX	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 47' 22"	106° 30' 39"					C-48-34-A-c
đường Trần Văn Giàu	KX	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°36'31"	10°47'41"	106°30'15"	C-48-34-A-c
Cầu Xáng	KX	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh	10° 47' 27"	106° 30' 44"					C-48-34-A-c
Kênh 1	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'18"	106°28'54"	10°45'58"	106°28'22"	C-48-33-B-d
Kênh 2	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'25"	106°29'02"	10°46'04"	106°28'31"	C-48-33-B-d
Kênh 3	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'31"	106°29'11"	10°46'11"	106°28'39"	C-48-33-B-d
Kênh 4	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'41"	106°29'23"	10°46'21"	106°28'53"	C-48-33-B-d
Kênh 5	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'51"	106°29'37"	10°46'31"	106°29'06"	C-48-33-B-d
Kênh 6	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'41"	106°29'18"	10°46'00"	106°29'49"	C-48-33-B-d
Kênh 7	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'06"	106°29'56"	10°46'39"	106°29'32"	C-48-33-B-d
Kênh 8	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'15"	106°30'08"	10°47'12"	106°29'57"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Kênh 9	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'23"	106°30'18"	10°46'34"	106°30'08"	C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 10	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'39"	106°29'20"	10°46'32"	106°30'27"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
kênh 11	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'41"	106°30'32"	10°46'50"	106°29'56"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
kênh 12	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'52"	106°30'30"	10°46'56"	106°29'56"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
kênh 13	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°46'59"	106°30'37"	10°47'04"	106°30'10"	C-48-34-A-c
kênh An Hạ	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°55'05"	106°33'34"	10°47'24"	106°30'09"	C-48-34-A-c
kênh Bà Bửu	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°44'47"	106°28'13"	10°45'27"	106°27'43"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Ba Lạc	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°44'13"	106°28'50"	10°44'51"	106°29'18"	C-48-33-D-b
kênh Bà Tỵ	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'19"	106°32'02"	10°41'13"	106°32'10"	C-48-34-C-a
kênh Bảy Quế	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'36"	106°31'31"	10°43'19"	106°31'20"	C-48-34-C-a
rạch Chài Chìm	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'48"	106°31'10"	10°43'23"	106°30'14"	C-48-34-C-a
kênh Độc Lập	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°44'30"	106°29'57"	10°44'13"	106°28'50"	C-48-33-D-b
kênh Độc Lập	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'51"	106°29'08"	10°44'13"	106°28'50"	C-48-33-D-b
kênh Đôi Nhỏ	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°44'24"	106°30'08"	10°43'53"	106°29'49"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
kênh Năm Xuyên	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'32"	106°30'06"	10°44'04"	106°30'42"	C-48-34-C-a
Kênh Ngang	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°42'59"	106°32'03"	10°43'39"	106°30'53"	C-48-34-C-a
kênh Ông Thân	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'32"	106°31'38"	10°43'14"	106°31'28"	C-48-34-C-a
kênh Sáu Oánh	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°42'43"	106°32'04"	10°42'57"	106°31'36"	C-48-34-A-c
kênh Thằng Chỏng	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'25"	106°31'50"	10°43'06"	106°31'42"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thầy Thuốc	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°43'40"	106°31'24"	10°43'05"	106°30'27"	C-48-34-C-a
kênh Trầm Lầy 1	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'01"	106°28'31"	10°45'41"	106°28'00"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Trầm Lầy 2	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°44'55"	106°28'22"	10°45'34"	106°27'52"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Xã Tĩnh	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°28'45"	10°45'51"	106°28'13"	C-48-33-B-d
kênh Xáng Đứng	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°47'27"	106°30'44"	10°44'47"	106°28'13"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Xáng Ngang	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°28'45"	10°41'42"	106°34'35"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b; C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
kênh Xáng Nhỏ	TV	xã Bình Lợi	H. Bình Chánh			10°45'27"	106°27'43"	10°47'15"	106°30'00"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Ấp 1	DC	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 40' 17"	106° 39' 16"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 39' 16"	106° 39' 21"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 39' 10"	106° 40' 14"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 39' 47"	106° 38' 46"					C-48-34-C-b
Ấp 5	DC	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 41' 04"	106° 38' 35"					C-48-34-C-b
Quốc lộ 50	KX	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°44'33"	106°39'16"	10°38'40"	106°39'19"	C-48-34-C-b
cầu Ông Thìn	KX	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 39' 04"	106° 39' 13"					C-48-34-C-b
chùa Phước Hội	KX	xã Đa Phước	H. Bình Chánh	10° 39' 26"	106° 38' 43"					C-48-34-C-b
rạch Bà Lào	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°43'36"	106°39'39"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
rạch Bún Seo	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'59"	106°39'46"	10°38'45"	106°40'24"	C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cần Giuộc	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°37'00"	10°38'36"	106°40'18"	C-48-34-C-b
sông Cần Giuộc	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'28"	106°41'01"	10°38'36"	106°40'18"	C-48-34-C-b
rạch Cầu Bà Cả	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°40'14"	106°39'00"	10°40'45"	106°39'11"	C-48-34-C-b
Rạch Chiếu	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°40'59"	106°38'59"	10°40'10"	106°40'36"	C-48-34-C-b
Rạch Chùa	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'29"	106°40'31"	10°39'34"	106°41'01"	C-48-34-C-b
rạch Hội Đồng	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'17"	106°40'46"	10°38'58"	106°40'47"	C-48-34-C-b
rạch Ngã Ba Đình	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'29"	106°39'34"	10°39'54"	106°39'41"	C-48-34-C-b
rạch Ngã Cạy	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'44"	106°39'18"	10°40'24"	106°39'59"	C-48-34-C-b
Rạch Nhỏ	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°38'51"	106°40'16"	10°38'49"	106°39'40"	C-48-34-C-b
Rạch Rắng	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°39'36"	106°40'15"	10°39'57"	106°40'37"	C-48-34-C-b
Rạch Rô	TV	xã Đa Phước	H. Bình Chánh			10°41'23"	106°39'06"	10°40'52"	106°37'55"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 39' 51"	106° 38' 02"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 38' 55"	106° 37' 49"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 39' 10"	106° 37' 15"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 39' 44"	106° 36' 35"					C-48-34-C-a
Ấp 5	DC	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 40' 16"	106° 37' 05"					C-48-34-C-a
Ấp 6	DC	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 41' 17"	106° 37' 21"					C-48-34-C-b
Đường tỉnh 11	KX	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°39'24"	106°35'00"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-b
đường An Phú Tây - Hưng Long	KX	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°39'34"	106°36'21"	10°41'31"	106°37'22"	C-48-34-C-a
đường Đoàn Nguyễn Tuấn	KX	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°40'30"	106°34'43"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Rạch Già	KX	xã Hưng Long	H. Bình Chánh	10° 41' 35"	106° 37' 18"					C-48-34-C-a
sông Cần Giuộc	TV	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°37'00"	10°38'36"	106°40'18"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-b
rạch Cầu Gia	TV	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°40'46"	106°36'49"	10°41'38"	106°37'19"	C-48-34-C-a
rạch Ông Đội	TV	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°39'15"	106°37'34"	10°39'18"	106°38'38"	C-48-34-C-b
Rạch Sậy	TV	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°40'21"	106°37'25"	10°40'46"	106°37'59"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-b
kênh T12	TV	xã Hưng Long	H. Bình Chánh			10°39'28"	106°34'54"	10°39'51"	106°36'30"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 47' 08"	106° 30' 51"					C-48-34-A-c
Ấp 2	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 44' 47"	106° 29' 34"					C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 45' 29"	106° 31' 05"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 45' 32"	106° 31' 11"					C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 45' 12"	106° 30' 57"					C-48-34-C-a
Ấp 6	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 46' 28"	106° 32' 34"					C-48-34-A-c
Ấp 7	DC	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 45' 28"	106° 32' 34"					C-48-34-A-c
Đường tỉnh 10	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'26"	106°37'22"	10°47'41"	106°30'15"	C-48-34-A-c
cầu Bà Lát	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 46' 17"	106° 33' 03"					C-48-34-A-c
tuyến đò Bình Lợi	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 45' 11"	106° 28' 45"					C-48-33-B-d
nông trường Lê Minh Xuân	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 45' 55"	106° 33' 15"					C-48-34-A-c
Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 44' 46"	106° 32' 34"					C-48-34-C-a
chùa Phật Cô Đơn	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 46' 51"	106° 30' 41"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Đại Nghĩa	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°43'24"	106°35'57"	10°45'58"	106°29'49"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
đường Trần Văn Giàu	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°36'31"	10°47'41"	106°30'15"	C-48-34-A-c
Cầu Xáng	KX	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh	10° 47' 27"	106° 30' 44"					C-48-34-A-c
Kênh 1	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'49"	106°31'48"	10°45'37"	106°34'13"	C-48-34-A-c
Kênh 1	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°47'22"	106°30'43"	10°46'55"	106°31'37"	C-48-34-A-c
Kênh 2	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'35"	106°31'41"	10°45'23"	106°34'00"	C-48-34-A-c
Kênh 2	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'31"	106°31'39"	10°46'59"	106°30'40"	C-48-34-A-c
Kênh 3	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'13"	106°33'45"	10°46'20"	106°31'33"	C-48-34-A-c
Kênh 3	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'14"	106°31'30"	10°45'13"	106°33'45"	C-48-34-A-c
Kênh 4	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'03"	106°33'31"	10°46'07"	106°31'26"	C-48-34-A-c; C-48-33-D-b
Kênh 4	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'30"	106°30'30"	10°46'02"	106°31'24"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Kênh 5	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'47"	106°33'27"	10°45'51"	106°31'18"	C-48-34-A-c
Kênh 5	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'52"	106°31'19"	10°46'23"	106°30'18"	C-48-34-A-c
Kênh 6	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'32"	106°33'22"	10°45'36"	106°31'10"	C-48-34-A-c
Kênh 6	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'40"	106°31'13"	10°46'11"	106°30'11"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Kênh 7	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'45"	106°32'14"	10°45'59"	106°29'47"	C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
Kênh 8	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'45"	106°29'29"	10°43'56"	106°33'15"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 9	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°43'32"	106°33'23"	10°45'32"	106°29'11"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c C-48-34-C-a
Kênh 10	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'26"	106°30'32"	10°44'58"	106°29'41"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
Kênh 10	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'35"	106°30'39"	10°43'20"	106°33'21"	C-48-34-C-a
kênh 11	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°42'58"	106°33'12"	10°44'23"	106°30'33"	C-48-34-C-a
kênh 11	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'15"	106°28'50"	10°44'16"	106°30'30"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b C-48-34-C-a
kênh 12	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°43'52"	106°31'11"	10°44'16"	106°30'30"	C-48-34-C-a
Kênh A	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'53"	106°31'50"	10°44'13"	106°30'28"	C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
Kênh B	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°46'18"	106°32'59"	10°43'19"	106°32'02"	C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
rạch Bàu Cò	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'28"	106°31'32"	10°43'48"	106°31'10"	C-48-34-C-a
Kênh C	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'41"	106°34'18"	10°42'13"	106°33'58"	C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
rạch Láng Le	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°44'15"	106°33'25"	10°43'33"	106°33'24"	C-48-34-C-a
kênh Xáng Đứng	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°47'27"	106°30'44"	10°44'47"	106°28'13"	C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
kênh Xáng Ngang	TV	xã Lê Minh Xuân	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°28'45"	10°41'42"	106°34'35"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b; C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 46' 02"	106° 33' 38"					C-48-34-A-c
Ấp 2	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 46' 40"	106° 32' 22"					C-48-34-A-c
Ấp 3	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 47' 12"	106° 31' 25"					C-48-34-A-c
Ấp 4	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 49' 16"	106° 31' 15"					C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 47' 44"	106° 30' 25"					C-48-34-A-c
Ấp 6	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 49' 14"	106° 31' 08"					C-48-34-A-c
Ấp 7	DC	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 51' 53"	106° 31' 48"					C-48-34-A-c
Đường tỉnh 10	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°45'26"	106°37'22"	10°47'41"	106°30'15"	C-48-34-A-c
nông trường An Hạ	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 51' 52"	106° 31' 33"					C-48-34-A-c
cống An Hạ	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 47' 38"	106° 30' 47"					C-48-34-A-c
cầu Bà Lát	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 46' 17"	106° 33' 03"					C-48-34-A-c
Cầu Lớn	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 52' 22"	106° 31' 59"					C-48-34-A-c
đường Nguyễn Văn Bứa	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°53'06"	106°35'07"	10°52'29"	106°31'27"	C-48-34-A-c
đường Trần Văn Giàu	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°36'31"	10°47'41"	106°30'15"	C-48-34-A-c
đường Vĩnh Lộc	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°46'18"	106°33'00"	10°49'01"	106°34'49"	C-48-34-A-c
Cầu Xáng	KX	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh	10° 47' 27"	106° 30' 44"					C-48-34-A-c
Kênh 1	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°47'51"	106°30'50"	10°47'23"	106°32'26"	C-48-34-A-c
Kênh 1	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°47'55"	106°30'51"	10°48'03"	106°30'21"	C-48-34-A-c
Kênh 2	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°47'43"	106°32'56"	10°48'15"	106°30'56"	C-48-34-A-c
Kênh 2	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°48'27"	106°30'59"	10°48'35"	106°30'26"	C-48-34-A-c
Kênh 3	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°48'58"	106°31'07"	10°49'06"	106°30'34"	C-48-34-A-c
Kênh 3	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°48'47"	106°31'04"	10°48'32"	106°32'04"	C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 4	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°49'29"	106°31'15"	10°49'38"	106°30'42"	C-48-34-A-c
Kênh 4	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°49'19"	106°31'12"	10°49'06"	106°32'13"	C-48-34-A-c
Kênh 5	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°49'50"	106°31'20"	10°49'35"	106°32'20"	C-48-34-A-c
Kênh 5	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°50'01"	106°31'23"	10°50'09"	106°30'51"	C-48-34-A-c
Kênh 6	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°50'06"	106°32'28"	10°50'20"	106°31'30"	C-48-34-A-c
Kênh 6	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°50'33"	106°31'31"	10°50'41"	106°30'59"	C-48-34-A-c
Kênh 7	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°51'03"	106°31'39"	10°51'11"	106°31'07"	C-48-34-A-c
Kênh 7	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°50'55"	106°31'37"	10°50'39"	106°32'35"	C-48-34-A-c
Kênh 8	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°51'35"	106°31'47"	10°51'43"	106°31'15"	C-48-34-A-c
Kênh 9	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°52'06"	106°31'55"	10°52'14"	106°31'23"	C-48-34-A-c
kênh An Hạ	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°55'05"	106°33'34"	10°47'24"	106°30'09"	C-48-34-A-c
kênh Liên Vùng	TV	xã Phạm Văn Hai	H. Bình Chánh			10°50'06"	106°32'28"	10°45'41"	106°34'18"	C-48-34-A-c
Ấp 1	DC	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 41' 06"	106° 39' 05"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 41' 20"	106° 38' 48"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 41' 03"	106° 38' 05"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 41' 58"	106° 38' 34"					C-48-34-C-b
Ấp 5	DC	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 42' 18"	106° 39' 09"					C-48-34-C-b
Quốc lộ 50	KX	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°44'33"	106°39'16"	10°38'40"	106°39'19"	C-48-34-C-b
cầu Bà Lớn	KX	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 42' 50"	106° 38' 45"					C-48-34-C-b
cầu Mã Voi	KX	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 42' 33"	106° 38' 23"					C-48-34-C-b
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°45'13"	106°43'36"	10°41'26"	106°35'33"	C-48-34-C-b
đình Phú Lạc	KX	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 42' 43"	106° 39' 06"					C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thiện Phước	KX	xã Phong Phú	H. Bình Chánh	10° 42' 12"	106° 39' 09"					C-48-34-C-b
rạch Bà Lào	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°43'36"	106°39'39"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
rạch Bà Lớn	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°42'41"	106°39'07"	10°43'47"	106°38'19"	C-48-34-C-b
sông Cần Giuộc	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°37'00"	10°38'36"	106°40'18"	C-48-34-C-b
rạch Cầu Lớn	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°41'21"	106°39'08"	10°41'56"	106°39'43"	C-48-34-C-b
Rạch Chiếu	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°40'59"	106°38'59"	10°40'10"	106°40'36"	C-48-34-C-b
rạch Ông Chồm	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°42'07"	106°38'50"	10°42'45"	106°38'59"	C-48-34-C-b
Rạch Rô	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°41'23"	106°39'06"	10°40'52"	106°37'55"	C-48-34-C-b
Rạch Su	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°43'57"	106°38'50"	10°43'26"	106°38'52"	C-48-34-C-b
rạch Thủ Đảo	TV	xã Phong Phú	H. Bình Chánh			10°41'31"	106°39'12"	10°41'56"	106°39'43"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Quy Đức	H. Bình Chánh	10° 38' 55"	106° 39' 22"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Quy Đức	H. Bình Chánh	10° 39' 06"	106° 38' 30"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Quy Đức	H. Bình Chánh	10° 38' 18"	106° 38' 10"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Quy Đức	H. Bình Chánh	10° 38' 41"	106° 39' 05"					C-48-34-C-b
Quốc lộ 50	KX	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°44'33"	106°39'16"	10°38'40"	106°39'19"	C-48-34-C-b
Đường tỉnh 11	KX	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°39'24"	106°35'00"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-b
đường Đoàn Nguyễn Tuấn	KX	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°40'30"	106°34'43"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-b
cầu Ông Thìn	KX	xã Quy Đức	H. Bình Chánh	10° 39' 04"	106° 39' 13"					C-48-34-C-b
sông Cần Giuộc	TV	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°37'00"	10°38'36"	106°40'18"	C-48-34-C-b
rạch Cầu Ngang	TV	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°38'14"	106°39'05"	10°38'30"	106°39'54"	C-48-34-C-b
sông Cầu Tràm	TV	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°37'39"	106°37'42"	10°37'35"	106°37'59"	C-48-34-C-b
rạch Hóc Hưu	TV	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°38'00"	106°39'04"	10°37'35"	106°37'59"	C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ông Đội	TV	xã Quy Đức	H. Bình Chánh			10°39'15"	106°37'34"	10°39'18"	106°38'38"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 43' 37"	106° 34' 17"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 43' 18"	106° 35' 27"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 42' 33"	106° 35' 42"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 42' 19"	106° 34' 45"					C-48-34-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-C-a
cầu Chợ Đệm	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 41' 44"	106° 34' 41"					C-48-34-C-a
cầu Bình Điền	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 42' 10"	106° 35' 44"					C-48-34-C-a
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giầy Khải Hoàn	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 43' 29"	106° 35' 33"					C-48-34-C-a
Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 3)	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 42' 39"	106° 34' 22"					C-48-34-C-a
đường Tân Tạo - Chợ Đệm	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°46'02"	106°35'20"	10°41'08"	106°33'55"	C-48-34-C-a
đường Trần Đại Nghĩa	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°43'24"	106°35'57"	10°45'58"	106°29'49"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c; C-48-34-C-a
chùa Từ Quang	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh	10° 42' 50"	106° 35' 48"					C-48-34-C-a
đại lộ Võ Văn Kiệt	KX	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°46'18"	106°42'16"	10°43'02"	106°35'53"	C-48-34-C-a
Kênh 8	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°43'26"	106°33'55"	10°43'18"	106°34'43"	C-48-34-C-a
Kênh 9	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°43'18"	106°33'23"	10°43'10"	106°34'41"	C-48-34-C-a
Kênh 10	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°33'42"	10°42'29"	106°34'41"	C-48-34-C-a
rạch Bà Hom	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°43'43"	106°34'22"	10°43'20"	106°34'32"	C-48-34-C-a
rạch Bàu Gốc	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°42'56"	106°34'59"	10°42'08"	106°35'42"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Trung	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°44'01"	106°34'20"	10°42'56"	106°34'59"	C-48-34-C-a
sông Chợ Đệm	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°41'12"	106°32'05"	10°42'40"	106°37'00"	C-48-34-C-a
rạch Hưng Nhơn	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°42'36"	106°35'10"	10°43'33"	106°35'20"	C-48-34-C-a
rạch Láng Chà	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°42'55"	106°34'00"	10°43'15"	106°33'56"	C-48-34-C-a
rạch Láng Mặn	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°43'46"	106°34'21"	10°42'50"	106°33'39"	C-48-34-C-a
rạch Lương Ngang	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°43'15"	106°33'56"	10°43'43"	106°34'22"	C-48-34-C-a
rạch Lương Quyền	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°44'15"	106°33'25"	10°44'12"	106°34'29"	C-48-34-C-a
rạch Mỹ Phú	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°42'56"	106°34'59"	10°42'55"	106°34'00"	C-48-34-C-a
rạch Nước Lên	TV	xã Tân Kiên	H. Bình Chánh			10°45'31"	106°35'10"	10°42'26"	106°36'24"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 44' 25"	106° 32' 26"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 42' 42"	106° 33' 10"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 41' 39"	106° 32' 04"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 42' 08"	106° 34' 03"					C-48-34-C-a
Ấp 6	DC	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 42' 32"	106° 33' 50"					C-48-34-C-a
cầu Chợ Đệm	KX	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 41' 44"	106° 34' 41"					C-48-34-C-a
khu tưởng niệm Liệt sỹ Mậu Thân 1968	KX	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh	10° 43' 22"	106° 32' 12"					C-48-34-C-a
đường Tân Tạo - Chợ Đệm	KX	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°46'02"	106°35'20"	10°41'08"	106°33'55"	C-48-34-C-a
đường Trần Đại Nghĩa	KX	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'24"	106°35'57"	10°45'58"	106°29'49"	C-48-34-C-a
Kênh 8	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'26"	106°33'55"	10°43'18"	106°34'43"	C-48-34-C-a
Kênh 8	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°45'45"	106°29'29"	10°43'56"	106°33'15"	C-48-34-C-a
Kênh 9	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'32"	106°33'23"	10°45'32"	106°29'11"	C-48-34-C-a
Kênh 9	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'18"	106°33'23"	10°43'10"	106°34'41"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 10	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°44'35"	106°30'39"	10°43'20"	106°33'21"	C-48-34-C-a
Kênh 10	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'40"	106°33'42"	10°42'29"	106°34'41"	C-48-34-C-a
kênh 11	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'58"	106°33'12"	10°44'23"	106°30'33"	C-48-34-C-a
kênh 12	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'25"	106°33'45"	10°43'24"	106°32'02"	C-48-34-C-a
Kênh B	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°46'18"	106°32'59"	10°43'19"	106°32'02"	C-48-34-C-a
rạch Bà Miêu	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'20"	106°32'05"	10°42'51"	106°31'49"	C-48-34-C-a
rạch Bà Phong	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'05"	106°32'51"	10°41'17"	106°32'39"	C-48-34-C-a
kênh Ba Thước	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'25"	106°32'05"	10°43'07"	106°32'21"	C-48-34-C-a
kênh Bà Tỵ	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'19"	106°32'02"	10°41'13"	106°32'10"	C-48-34-C-a
kênh Bốn Thước	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'28"	106°32'15"	10°43'12"	106°32'13"	C-48-34-C-a
Kênh C	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°45'41"	106°34'18"	10°42'13"	106°33'58"	C-48-34-C-a
sông Chợ Đệm	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°41'12"	106°32'05"	10°42'40"	106°37'00"	C-48-34-C-a
Rạch Dừa	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°44'04"	106°32'59"	10°43'32"	106°32'53"	C-48-34-C-a
rạch Đập Đẩu	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'42"	106°32'26"	10°43'29"	106°32'38"	C-48-34-C-a
rạch Láng Chà	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'55"	106°34'00"	10°43'15"	106°33'56"	C-48-34-C-a
rạch Láng Le	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°44'15"	106°33'25"	10°43'33"	106°33'24"	C-48-34-C-a
rạch Láng Mặn	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'46"	106°34'21"	10°42'50"	106°33'39"	C-48-34-C-a
rạch Lương Cạn	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'19"	106°32'35"	10°43'08"	106°32'19"	C-48-34-C-a
rạch Lương Ngang	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'15"	106°33'56"	10°43'43"	106°34'22"	C-48-34-C-a
kênh Lương Ngang	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°41'41"	106°31'49"	10°41'51"	106°32'07"	C-48-34-C-a
rạch Lương Quyền	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°44'15"	106°33'25"	10°44'12"	106°34'29"	C-48-34-C-a
rạch Lương Sâu	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°43'29"	106°32'38"	10°43'14"	106°32'08"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mỹ Phú	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'56"	106°34'59"	10°42'55"	106°34'00"	C-48-34-C-a
rạch Ngọn Chùa	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'58"	106°33'16"	10°42'51"	106°33'36"	C-48-34-C-a
rạch Ổ Cu Kiến Vàng	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°41'51"	106°32'07"	10°42'13"	106°33'19"	C-48-34-C-a
rạch Ông Hền	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'13"	106°33'19"	10°42'19"	106°33'44"	C-48-34-C-a
rạch Ông Tạ	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°41'41"	106°33'26"	10°41'27"	106°33'46"	C-48-34-C-a
kênh Sáu Oánh	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'43"	106°32'04"	10°42'57"	106°31'36"	C-48-34-C-a
rạch Tân Xuân	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°42'13"	106°33'19"	10°41'41"	106°33'26"	C-48-34-C-a
kênh Xáng Ngang	TV	xã Tân Nhựt	H. Bình Chánh			10°45'11"	106°28'45"	10°41'42"	106°34'35"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh	10° 40' 09"	106° 35' 58"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh	10° 40' 02"	106° 35' 59"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh	10° 40' 41"	106° 35' 25"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh	10° 39' 26"	106° 35' 15"					C-48-34-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-C-a
Đường huyện 11	KX	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°39'24"	106°35'00"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-a
đường Đinh Đức Thiện	KX	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°39'57"	106°34'05"	10°39'14"	106°35'06"	C-48-34-C-a
đường Đoàn Nguyễn Tuấn	KX	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°40'30"	106°34'43"	10°38'08"	106°39'05"	C-48-34-C-a
chùa Liên Hoa	KX	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh	10° 39' 26"	106° 35' 02"					C-48-34-C-a
kênh Rạch Cung	TV	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°40'49"	106°35'47"	10°41'20"	106°35'59"	C-48-34-C-a
kênh T11	TV	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°41'01"	106°35'31"	10°40'13"	106°36'32"	C-48-34-C-a
kênh T12	TV	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°39'28"	106°34'54"	10°39'54"	106°36'23"	C-48-34-C-a
kênh T13	TV	xã Tân Quý Tây	H. Bình Chánh			10°39'25"	106°35'00"	10°39'39"	106°36'16"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 48' 34"	106° 33' 52"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 48' 25"	106° 33' 17"					C-48-34-A-c
Ấp 1B	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 48' 44"	106° 33' 02"					C-48-34-A-c
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 23"	106° 33' 06"					C-48-34-A-c
Ấp 2A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 02"	106° 33' 23"					C-48-34-A-c
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 35"	106° 33' 51"					C-48-34-A-c
Ấp 3A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 44"	106° 32' 57"					C-48-34-A-c
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 50' 14"	106° 33' 26"					C-48-34-A-c
Ấp 4A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 50' 24"	106° 34' 14"					C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 42"	106° 34' 40"					C-48-34-A-c
Ấp 5A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 56"	106° 34' 43"					C-48-34-A-c
Ấp 6	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 09"	106° 34' 48"					C-48-34-A-c
Ấp 6A	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 26"	106° 34' 46"					C-48-34-A-c
Ấp 6B	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 24"	106° 34' 11"					C-48-34-A-c
Ấp 6C	DC	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 05"	106° 34' 20"					C-48-34-A-c
bia Tưởng niệm Dân công hỏa tuyến	KX	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 50' 25"	106° 32' 56"					C-48-34-A-c
đường Vĩnh Lộc	KX	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh			10°46'18"	106°33'00"	10°49'51"	106°35'36"	C-48-34-A-c
Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	KX	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh	10° 49' 26"	106° 35' 06"					C-48-34-A-c
rạch Cầu Sa	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh			10°50'21"	106°34'31"	10°49'15"	106°36'50"	C-48-34-A-c
kênh Liên Vùng	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh			10°50'06"	106°32'28"	10°45'41"	106°34'18"	C-48-34-A-c
kênh Trung ương	TV	xã Vĩnh Lộc A	H. Bình Chánh			10°47'31"	106°33'13"	10°54'18"	106°34'15"	C-48-34-A-c
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 46' 52"	106° 34' 02"					C-48-34-A-c
Ấp 1A	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 46' 48"	106° 34' 57"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1B	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 46' 39"	106° 34' 28"					C-48-34-A-c
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 33"	106° 34' 32"					C-48-34-A-c
Ấp 2A	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 34"	106° 34' 10"					C-48-34-A-c
Ấp 2B	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 44"	106° 34' 53"					C-48-34-A-c
Ấp 2C	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 17"	106° 34' 53"					C-48-34-A-c
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 56"	106° 34' 30"					C-48-34-A-c
Ấp 3A	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 48' 12"	106° 34' 35"					C-48-34-A-c
Ấp 3B	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 56"	106° 34' 45"					C-48-34-A-c
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 48' 52"	106° 34' 47"					C-48-34-A-c
Ấp 4A	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 48' 39"	106° 34' 28"					C-48-34-A-c
Ấp 4B	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 48' 37"	106° 34' 52"					C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 56"	106° 33' 02"					C-48-34-A-c
Ấp 6	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 48' 15"	106° 33' 58"					C-48-34-A-c
Ấp 6A	DC	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 47' 44"	106° 33' 31"					C-48-34-A-c
đường Nguyễn Thị Tú	KX	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°49'02"	106°35'58"	10°48'53"	106°34'39"	C-48-34-A-c
đường Vĩnh Lộc	KX	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°46'18"	106°33'00"	10°49'51"	106°35'36"	C-48-34-A-c
thánh thất Vĩnh Lộc	KX	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh	10° 48' 51"	106° 34' 38"					C-48-34-A-c
Kênh 2	TV	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°47'43"	106°32'56"	10°48'15"	106°30'56"	C-48-34-A-c
kênh Bến Lội	TV	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°46'11"	106°34'24"	10°46'34"	106°35'02"	C-48-34-A-c
rạch Cầu Suối	TV	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°48'20"	106°34'14"	10°47'08"	106°33'36"	C-48-34-A-c
kênh Liên Vùng	TV	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°50'06"	106°32'28"	10°45'41"	106°34'18"	C-48-34-A-c
kênh Tham Lương	TV	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°46'34"	106°35'02"	10°51'26"	106°39'51"	C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Trung ương	TV	xã Vĩnh Lộc B	H. Bình Chánh			10°47'31"	106°33'13"	10°54'18"	106°34'15"	C-48-34-A-c
khu phố Giồng Ao	DC	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 24' 50"	106° 57' 15"					C-48-46-B-b
khu phố Hưng Thạnh	DC	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 25' 00"	106° 58' 17"					C-48-46-B-b
khu phố Miễu Ba	DC	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 24' 23"	106° 57' 37"					C-48-46-B-b
khu phố Miễu Nhì	DC	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 24' 45"	106° 58' 07"					C-48-46-B-b
khu phố Phong Thạnh	DC	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 24' 57"	106° 58' 02"					C-48-46-B-b
cầu Ba Động	KX	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 24' 11"	106° 56' 26"					C-48-46-B-b
lăng Ông Thủy Tướng	KX	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 25' 06"	106° 58' 11"					C-48-46-B-b
cầu Rạch Lở	KX	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 23' 57"	106° 55' 54"					C-48-46-B-b
sông Bãi Tiên	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°25'17"	106°55'07"	10°26'23"	106°55'09"	C-48-46-B-b
rạch Cá Heo	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°25'47"	106°56'01"	10°25'34"	106°55'14"	C-48-46-B-b
mũi Cần Giờ	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ	10° 24' 56"	106° 58' 33"					C-48-46-B-b
sông Dinh Bà	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°25'17"	106°55'07"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-46-B-b
sông Đồng Đình	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°26'23"	106°55'09"	10°26'46"	106°56'56"	C-48-46-B-b
rạch Giồng Ao	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°24'23"	106°56'45"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-46-B-b
sông Lòng Tàu	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°40'34"	106°46'26"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-46-B-b
Rạch Lở	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°23'58"	106°55'32"	10°23'38"	106°56'01"	C-48-46-B-b
rạch Năm Bến	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°25'05"	106°56'05"	10°24'50"	106°55'44"	C-48-46-B-b
rạch Ruột Ngựa	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°26'02"	106°55'12"	10°26'27"	106°55'38"	C-48-46-B-b
rạch So Đũa	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°26'00"	106°56'13"	10°26'28"	106°56'06"	C-48-46-B-b
rạch So Đũa Lớn	TV	TT. Cần Thạnh	H. Cần Giờ			10°25'46"	106°55'50"	10°26'00"	106°56'13"	C-48-46-B-b
ấp An Bình	DC	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 35' 13"	106° 47' 20"					C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Đông	DC	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 34' 50"	106° 47' 20"					C-48-34-D-c
ấp An Hòa	DC	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 35' 34"	106° 47' 18"					C-48-34-D-c
ấp An Nghĩa	DC	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 35' 12"	106° 49' 40"					C-48-34-D-c
ấp Doi Lầu	DC	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 33' 57"	106° 45' 52"					C-48-34-D-c
ấp Rạch Lá	DC	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 35' 50"	106° 47' 43"					C-48-34-D-c
cầu An Nghĩa	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 35' 06"	106° 49' 26"					C-48-34-D-c
cầu Dần Xây	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 29' 55"	106° 51' 59"					C-48-46-B-a
cầu Lôi Giang	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 32' 42"	106° 49' 46"					C-48-34-D-c
cầu Long Giang Xây	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 30' 31"	106° 51' 43"					C-48-34-D-c
nông trường Quận 5	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 34' 39"	106° 49' 11"					C-48-34-D-c
nông trường Quận 8	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 34' 39"	106° 47' 38"					C-48-34-D-c
nông trường Quận 10	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 31' 35"	106° 47' 41"					C-48-34-D-c
nông trường Quận Gò Vấp	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 31' 18"	106° 50' 59"					C-48-34-D-c
nông trường Quận Tân Bình	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 31' 40"	106° 49' 14"					C-48-34-D-c
cầu Rạch Đôn	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 34' 04"	106° 49' 32"					C-48-34-D-c
cầu Rạch Lá	KX	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ	10° 36' 10"	106° 49' 03"					C-48-34-D-c
Rạch 26 Tháng 3	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'08"	106°50'02"	10°32'33"	106°50'23"	C-48-34-D-c
rạch Bà Đây	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'51"	106°49'10"	10°31'10"	106°48'29"	C-48-34-D-c
rạch Ba Gây	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'07"	106°44'57"	10°34'05"	106°45'22"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
rạch Bà Giồng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°32'06"	106°48'33"	10°29'42"	106°48'06"	C-48-46-B-a; C-48-34-D-c
rạch Bà Tám	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'50"	106°46'23"	10°34'40"	106°46'29"	C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Tống	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'44"	106°48'12"	10°35'41"	106°46'53"	C-48-34-D-c
tắc Bà Tùng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'35"	106°49'50"	10°35'03"	106°49'37"	C-48-34-D-c
rạch Bàu Thơ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'14"	106°47'42"	10°34'53"	106°46'48"	C-48-34-D-c
tắc Bò Tùng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'35"	106°49'50"	10°35'30"	106°50'19"	C-48-34-D-c
rạch Bồng Bộng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'35"	106°49'03"	10°36'11"	106°49'07"	C-48-34-D-c
rạch Chà Là	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°32'19"	106°47'34"	10°32'06"	106°48'33"	C-48-34-D-c
tắc Chà Là	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'34"	106°49'33"	10°35'04"	106°49'32"	C-48-34-D-c
sông Dần Xây	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'27"	106°52'16"	10°29'45"	106°51'44"	C-48-46-B-a; C-48-34-D-c
sông Dinh Bà	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'35"	106°50'02"	10°29'45"	106°51'44"	C-48-46-B-a; C-48-34-D-c
Rạch Đôi	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'04"	106°45'47"	10°34'50"	106°44'51"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
Rạch Đồn	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'02"	106°50'10"	10°33'59"	106°46'59"	C-48-34-D-c
Rạch Giông	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'09"	106°48'12"	10°35'22"	106°46'54"	C-48-34-D-c
tắc Hốc Bột	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'59"	106°48'26"	10°34'21"	106°48'49"	C-48-34-D-c
rạch Hốc Quả Lớn	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'37"	106°48'07"	10°35'02"	106°46'53"	C-48-34-D-c
rạch Hốc Quả Nhỏ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'24"	106°47'54"	10°34'53"	106°47'18"	C-48-34-D-c
kênh Kho Đá	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'39"	106°46'45"	10°34'41"	106°46'33"	C-48-34-D-c
rạch Khó Đá	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'39"	106°46'45"	10°32'57"	106°46'31"	C-48-34-D-c
rạch Kho Mắm	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'44"	106°46'54"	10°34'43"	106°46'37"	C-48-34-D-c
Rạch Lá	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°36'35"	106°49'49"	10°36'18"	106°46'37"	C-48-34-D-c
rạch Lá Be	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°32'19"	106°47'34"	10°31'10"	106°46'58"	C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Lá Bé	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'14"	106°46'50"	10°32'19"	106°47'34"	C-48-34-D-c
rạch Lá Bẹ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'26"	106°47'13"	10°31'50"	106°47'40"	C-48-34-D-c
sông Lò Rèn	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°30'27"	106°49'22"	10°29'29"	106°47'46"	C-48-46-B-a; C-48-34-D-c
sông Lôi Giang	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'35"	106°50'02"	10°32'42"	106°50'50"	C-48-34-D-c
sông Long Giang Xây	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'04"	106°50'49"	10°30'35"	106°51'55"	C-48-34-D-c
sông Lòng Tàu	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°40'34"	106°46'26"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-46-B-a; C-48-34-D-c
rạch Móc Keo	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'41"	106°50'23"	10°36'35"	106°49'49"	C-48-34-D-c
Tắc Mới	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'08"	106°49'21"	10°32'54"	106°49'37"	C-48-34-D-c
rạch Mương Bồng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°36'32"	106°49'53"	10°35'03"	106°50'52"	C-48-34-D-c
Kênh Ngay	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°34'59"	106°47'50"	10°35'10"	106°46'54"	C-48-34-D-c
kênh Ông Chủ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'44"	106°46'54"	10°34'39"	106°46'23"	C-48-34-D-c
tắc Ông Đại	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'08"	106°49'29"	10°31'35"	106°50'02"	C-48-34-D-c
tắc Ông Địa	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°32'03"	106°49'19"	10°32'05"	106°49'43"	C-48-34-D-c
tắc Ông Nghĩa	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°36'21"	106°48'37"	10°35'44"	106°48'12"	C-48-34-D-c
kênh Ông Son	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'47"	106°45'40"	10°34'42"	106°45'59"	C-48-34-D-c
kênh Ông Thỏ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'42"	106°45'49"	10°34'41"	106°46'02"	C-48-34-D-c
tắc Ông Thọ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'39"	106°47'30"	10°32'42"	106°49'14"	C-48-34-D-c
rạch Phong Thơ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°33'38"	106°45'21"	10°33'38"	106°44'29"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
kênh Phụ Nữ	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'21"	106°52'06"	10°31'19"	106°49'53"	C-48-34-D-c
Tắc Ráng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'20"	106°51'02"	10°31'42"	106°50'08"	C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Sâu	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°36'31"	106°48'14"	10°35'52"	106°46'50"	C-48-34-D-c
sông Soài Rạp	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°39'59"	106°44'13"	10°22'30"	106°48'51"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
rạch Tắc Ông Nghĩa	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°35'44"	106°48'12"	10°34'52"	106°49'58"	C-48-34-D-c
Tắc Tràng	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°32'01"	106°50'27"	10°32'38"	106°50'39"	C-48-34-D-c
Rạch Trung	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°36'04"	106°48'11"	10°36'23"	106°48'17"	C-48-34-D-c
sông Vàm Sát	TV	xã An Thới Đông	H. Cần Giờ			10°31'45"	106°44'41"	10°27'41"	106°49'28"	C-48-46-B-a; C-48-34-D-c
ấp Bình An	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 38' 29"	106° 47' 15"					C-48-34-D-a
ấp Bình Lợi	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 37' 13"	106° 49' 46"					C-48-34-D-c
ấp Bình Mỹ	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 39' 38"	106° 46' 05"					C-48-34-D-a
ấp Bình Phước	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 39' 55"	106° 46' 34"					C-48-34-D-a
ấp Bình Thạnh	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 37' 07"	106° 46' 24"					C-48-34-D-c
ấp Bình Thuận	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 39' 46"	106° 46' 31"					C-48-34-D-a
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 40' 10"	106° 46' 38"					C-48-34-D-a
ấp Bình Trường	DC	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 39' 47"	106° 46' 15"					C-48-34-D-a
tuyến phà Bình Khánh	KX	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 40' 11"	106° 46' 15"					C-48-34-D-a
tuyến phà Phước Khánh	KX	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 40' 31"	106° 46' 20"					C-48-34-D-a
cầu Rạch Lá	KX	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ	10° 36' 10"	106° 49' 03"					C-48-34-D-c
rạch Bà Đua	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'45"	106°47'27"	10°37'00"	106°48'11"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
rạch Bà Hớn	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'23"	106°46'55"	10°37'12"	106°46'07"	C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ba Tân	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°40'00"	106°47'29"	10°39'48"	106°47'44"	C-48-34-D-a
rạch Bà Xán	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'07"	106°49'29"	10°36'46"	106°49'19"	C-48-34-D-c
rạch Bông Giếng Lớn	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'45"	106°47'27"	10°38'02"	106°46'11"	C-48-34-D-a
rạch Bông Giếng Nhỏ	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'42"	106°46'45"	10°37'58"	106°46'11"	C-48-34-D-a
rạch Cá Gấu	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'28"	106°48'35"	10°36'47"	106°48'32"	C-48-34-D-c
rạch Cá Sức	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°38'55"	106°47'47"	10°38'46"	106°48'37"	C-48-34-D-a
rạch Cây Chôm	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°38'27"	106°47'32"	10°38'00"	106°47'17"	C-48-34-D-a
rạch Cây Cui	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'27"	106°48'16"	10°37'02"	106°48'17"	C-48-34-D-c
Sông Chà	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°39'58"	106°45'57"	10°38'50"	106°45'23"	C-48-34-D-a
Rạch Đước	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'54"	106°48'06"	10°38'19"	106°48'52"	C-48-34-D-a
rạch Già Đỏ	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'05"	106°48'59"	10°37'48"	106°49'20"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
Rạch Lá	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°36'35"	106°49'49"	10°36'18"	106°46'37"	C-48-34-D-c
rạch Lấp Vòi	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°40'19"	106°46'20"	10°39'42"	106°47'08"	C-48-34-D-a
sông Lòng Tàu	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°40'34"	106°46'26"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
Rạch Miễu	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'23"	106°46'55"	10°37'49"	106°46'10"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
Rạch Muỗi	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°37'12"	106°47'32"	10°36'40"	106°47'42"	C-48-34-D-c
Kinh Ngay	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°38'42"	106°47'27"	10°39'36"	106°48'09"	C-48-34-D-a
sông Nhà Bè	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°44'36"	106°45'58"	10°39'59"	106°44'13"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a
kênh Ông Cả	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°38'12"	106°47'43"	10°38'30"	106°48'43"	C-48-34-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Soài Rạp	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°39'59"	106°44'13"	10°22'30"	106°48'51"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
rạch Sông Chà	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°38'50"	106°46'38"	10°39'29"	106°46'01"	C-48-34-D-a
Kinh Tần	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°38'50"	106°46'38"	10°38'31"	106°45'58"	C-48-34-D-a
tắc Tây Đen	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°36'35"	106°49'49"	10°37'22"	106°50'37"	C-48-34-D-c
rạch Xóm Quán	TV	xã Bình Khánh	H. Cần Giờ			10°39'17"	106°47'04"	10°40'13"	106°47'13"	C-48-34-D-a
ấp Đồng Hòa	DC	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 22' 47"	106° 52' 40"					C-48-46-B-b
ấp Đồng Tranh	DC	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 23' 01"	106° 53' 07"					C-48-46-B-b
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 24' 18"	106° 55' 17"					C-48-46-B-b
ấp Long Thạnh	DC	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 23' 07"	106° 54' 27"					C-48-46-B-b
bãi tắm 30 Tháng 4	KX	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 23' 09"	106° 55' 08"					C-48-46-B-b
khu du lịch 30 Tháng 4	KX	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 23' 20"	106° 55' 06"					C-48-46-B-b
cầu Dần Xây	KX	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 29' 55"	106° 51' 59"					C-48-46-B-a
cầu Hà Thanh	KX	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 24' 00"	106° 54' 21"					C-48-46-B-b
cầu Rạch Lở	KX	xã Long Hòa	H. Cần Giờ	10° 23' 57"	106° 55' 54"					C-48-46-B-b
tắc Ăn Chè	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'59"	106°53'55"	10°29'44"	106°54'28"	C-48-46-B-b
sông An Hòa	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'00"	106°54'16"	10°25'17"	106°55'07"	C-48-46-B-b
rạch Bà Lưới	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'25"	106°53'54"	10°25'51"	106°54'03"	C-48-46-B-b
rạch Bà Thiên	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'13"	106°54'06"	10°25'51"	106°53'58"	C-48-46-B-b
rạch Bà Tiến	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'29"	106°53'23"	10°25'59"	106°53'44"	C-48-46-B-b
sông Bà Vú	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'59"	106°53'44"	10°26'23"	106°55'09"	C-48-46-B-b
tắc Bà Vú	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'33"	106°54'12"	10°26'09"	106°54'46"	C-48-46-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bà Yến	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'26"	106°54'28"	10°26'27"	106°55'54"	C-48-46-B-b
sông Bãi Tiên	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'17"	106°55'07"	10°26'23"	106°55'09"	C-48-46-B-b
sông Cá Gâu	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'30"	106°54'32"	10°28'39"	106°56'21"	C-48-46-B-b
rạch Cá Móng	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'38"	106°54'42"	10°26'01"	106°54'29"	C-48-46-B-b
rạch Cá Nhám	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°31'00"	106°55'43"	10°30'11"	106°55'52"	C-48-34-D-d
rạch Cá Rô	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'36"	106°54'28"	10°27'43"	106°54'13"	C-48-46-B-b
rạch Cá Trang	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'22"	106°54'51"	10°25'45"	106°55'02"	C-48-46-B-b
Tắc Cạn	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'37"	106°52'51"	10°29'23"	106°53'21"	C-48-46-B-b
rạch Cau No	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°24'49"	106°55'53"	10°24'19"	106°55'56"	C-48-46-B-b
rạch Cây Da	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°22'54"	106°53'57"	10°23'10"	106°53'33"	C-48-46-B-b
mương Cây Rạch	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'21"	106°53'38"	10°25'00"	106°54'16"	C-48-46-B-b
rạch Cây Trâm Bé	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'10"	106°53'25"	10°27'07"	106°54'06"	C-48-46-B-b
rạch Cây Trâm Lớn	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'18"	106°53'39"	10°26'59"	106°54'08"	C-48-46-B-b
rạch Cổ Cò	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°24'28"	106°53'46"	10°25'44"	106°53'20"	C-48-46-B-b
rạch Cổ Cò	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°24'07"	106°53'37"	10°23'41"	106°54'03"	C-48-46-B-b
tắc Cô Ngần	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'34"	106°55'40"	10°29'34"	106°56'07"	C-48-46-B-b
Rạch Đầm	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°30'16"	106°54'25"	10°29'30"	106°54'32"	C-48-34-D-d; C-48-46-B-b
sông Dần Xây	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°31'27"	106°52'16"	10°29'45"	106°51'44"	C-48-34-D-c; C-48-46-B-a
sông Dinh Bà	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'17"	106°55'07"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-46-B-b
sông Đồng Đình	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'23"	106°55'09"	10°26'46"	106°56'56"	C-48-46-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đồng Hòa	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°23'37"	106°54'02"	10°23'02"	106°51'57"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
sông Đồng Tranh	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'58"	106°52'11"	10°22'30"	106°52'00"	C-48-46-B-a
rạch Già Bún	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'13"	106°54'19"	10°26'51"	106°54'34"	C-48-46-B-b
Rạch Giồng	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'40"	106°54'47"	10°27'20"	106°55'03"	C-48-46-B-b
sông Hà Thanh	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°24'50"	106°55'44"	10°22'51"	106°54'09"	C-48-46-B-b
sông Hào Võ	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'20"	106°53'24"	10°27'58"	106°52'11"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
rạch Khe Đôi Lớn	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'10"	106°53'27"	10°24'25"	106°51'50"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
rạch Khe Đôi Nhỏ	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'31"	106°53'13"	10°24'43"	106°51'39"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
rạch Lá Buông	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°24'07"	106°55'09"	10°24'13"	106°54'33"	C-48-46-B-b
tắc Làm Sân	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'06"	106°54'58"	10°27'20"	106°55'03"	C-48-46-B-b
rạch Láng Bai	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'33"	106°53'12"	10°25'59"	106°53'44"	C-48-46-B-b
Rạch Lở	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°23'58"	106°55'32"	10°23'38"	106°56'01"	C-48-46-B-b
rạch Lò Than	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°24'12"	106°54'00"	10°24'16"	106°54'19"	C-48-46-B-b
sông Lò Vôi	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°28'25"	106°53'29"	10°26'23"	106°55'09"	C-48-46-B-b
sông Lòng Tàu	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°40'34"	106°46'26"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d C-48-46-B-b
rạch Mỏ Cò	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'35"	106°54'06"	10°25'10"	106°54'26"	C-48-46-B-b
sông Mồng Gà	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°30'05"	106°55'06"	10°28'50"	106°56'41"	C-48-34-D-d; C-48-34-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Mũi Nai	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'45"	106°51'44"	10°27'58"	106°52'11"	C-48-46-B-a
sông Mùng Năm	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'58"	106°52'05"	10°29'20"	106°53'24"	C-48-34-D-d; C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
Rạch Ốc	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'57"	106°53'06"	10°25'08"	106°51'29"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
tắc Ông Địa	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°31'13"	106°53'30"	10°30'10"	106°53'13"	C-48-34-D-d
rạch Ông Nhàn Bé	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°25'36"	106°52'22"	10°26'31"	106°51'37"	C-48-46-B-a
rạch Ông Nhàn Lớn	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'12"	106°52'47"	10°26'31"	106°51'37"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
sông Ông Tiên	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°29'20"	106°53'24"	10°29'30"	106°54'32"	C-48-46-B-b
Rạch Rỗ	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°28'59"	106°52'10"	10°28'04"	106°52'25"	C-48-46-B-a; C-48-46-B-b
rạch So Đũa Lớn	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°26'52"	106°53'24"	10°27'29"	106°52'17"	C-48-46-B-b
rạch So Đũa Nhỏ	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'01"	106°53'04"	10°27'33"	106°52'20"	C-48-46-B-b
tắc Sống Trâu	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°31'12"	106°52'57"	10°30'10"	106°53'09"	C-48-46-B-b
sông Tắc Cống	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°31'34"	106°54'42"	10°29'16"	106°54'50"	C-48-34-D-d; C-48-34-B-b
rạch Tắc Ngọn	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'59"	106°54'00"	10°28'31"	106°55'09"	C-48-46-B-b
Rạch Vân	TV	xã Long Hòa	H. Cần Giờ			10°27'15"	106°55'26"	10°26'56"	106°55'35"	C-48-46-B-b
ấp Lý Hòa Hiệp	DC	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ	10° 32' 00"	106° 45' 41"					C-48-34-D-c
ấp Lý Thái Bửu	DC	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ	10° 28' 26"	106° 45' 58"					C-48-46-B-a
ấp Tân Điền	DC	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ	10° 28' 01"	106° 46' 18"					C-48-46-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ba Đừng	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°32'43"	106°45'31"	10°32'31"	106°44'37"	C-48-34-D-c
rạch Bà Năm	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'54"	106°46'26"	10°27'43"	106°46'14"	C-48-46-B-a
rạch Cá Ngáy Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°29'17"	106°49'15"	10°28'11"	106°48'52"	C-48-46-B-a
sông Cá Nháp	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'03"	106°48'17"	10°27'41"	106°49'28"	C-48-46-B-a
rạch Cá Nháp	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'28"	106°48'11"	10°27'58"	106°48'55"	C-48-46-B-a
rạch Cá Nháp Bé	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°25'44"	106°49'02"	10°27'03"	106°48'17"	C-48-46-B-a
rạch Cá Nháp Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'27"	106°46'52"	10°27'03"	106°48'17"	C-48-46-B-a
sông Cát Lái	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'41"	106°49'28"	10°26'40"	106°51'43"	C-48-46-B-a
rạch Cát Lái Bé	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'07"	106°49'58"	10°27'18"	106°50'45"	C-48-46-B-a
rạch Cát Lái Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°26'37"	106°50'15"	10°27'14"	106°50'52"	C-48-46-B-a
rạch Cây Sung	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'32"	106°50'56"	10°27'17"	106°51'03"	C-48-46-B-a
rạch Đầm Bún	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'10"	106°50'59"	10°28'06"	106°51'53"	C-48-46-B-a
sông Dinh Bà	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°31'35"	106°50'02"	10°29'45"	106°51'44"	C-48-34-D-c; C-48-46-B-a
sông Đồng Tranh	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'58"	106°52'11"	10°22'30"	106°52'00"	C-48-46-B-a
rạch Gành Hào Bé	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°25'05"	106°50'10"	10°25'16"	106°51'27"	C-48-46-B-a
rạch Gành Hào Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°26'00"	106°49'49"	10°26'02"	106°51'26"	C-48-46-B-a
Rạch Già	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'27"	106°46'52"	10°27'22"	106°46'28"	C-48-46-B-a
rạch Gốc Tre Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°29'59"	106°45'58"	10°28'34"	106°47'37"	C-48-46-B-a
rạch Gốc Tre Nhỏ	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°30'21"	106°47'05"	10°29'59"	106°45'58"	C-48-34-D-c; C-48-46-B-a
Kênh Kê	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'31"	106°49'58"	10°27'41"	106°50'02"	C-48-46-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lò Rèn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°30'27"	106°49'22"	10°29'29"	106°47'46"	C-48-34-D-c; C-48-46-B-a
Rạch Miễu	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°32'35"	106°45'59"	10°32'27"	106°46'27"	C-48-34-D-c
rạch Múc Mú Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°26'41"	106°49'58"	10°27'05"	106°49'12"	C-48-46-B-a
sông Mũi Nai	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°29'45"	106°51'44"	10°27'58"	106°52'11"	C-48-46-B-a
rạch Mương Thông	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°26'00"	106°49'49"	10°25'08"	106°48'54"	C-48-46-B-a
Mương Ốc	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°25'01"	106°49'27"	10°24'47"	106°49'17"	C-48-46-B-a
rạch Phong Thơ	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°33'38"	106°45'21"	10°33'38"	106°44'29"	C-48-34-D-c; C-48-34-C-d
kênh Phụ Nữ	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°29'11"	106°50'43"	10°29'17"	106°49'10"	C-48-46-B-a
rạch Rào Bé	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°30'58"	106°45'43"	10°31'04"	106°44'37"	C-48-34-D-c
rạch Rào Lớn	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°31'14"	106°45'50"	10°31'13"	106°44'39"	C-48-34-D-c
Rạch Sâu	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'24"	106°50'27"	10°28'03"	106°52'00"	C-48-46-B-a
sông Soài Rạp	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°39'59"	106°44'13"	10°22'30"	106°48'51"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
rạch Suối Nhỏ	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'34"	106°50'14"	10°28'24"	106°50'27"	C-48-46-B-a
Rạch Tràm	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'47"	106°50'38"	10°29'55"	106°49'51"	C-48-46-B-a
rạch Trần Công Đấu	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'36"	106°46'53"	10°27'54"	106°46'26"	C-48-46-B-a
Rạch Tượng	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°28'08"	106°50'51"	10°28'36"	106°51'40"	C-48-46-B-a
sông Vàm Sát	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°31'45"	106°44'41"	10°27'41"	106°49'28"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c; C-48-46-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xóc Xèo	TV	xã Lý Nhơn	H. Cần Giờ			10°27'14"	106°49'41"	10°27'36"	106°49'34"	C-48-46-B-a
ấp An Hòa	DC	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 35' 14"	106° 51' 05"					C-48-34-D-d
ấp An Lộc	DC	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 35' 57"	106° 51' 28"					C-48-34-D-c
ấp An Phước	DC	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 36' 24"	106° 51' 34"					C-48-34-D-c
ấp Trần Hưng Đạo	DC	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 37' 14"	106° 51' 07"					C-48-34-D-c
nông trường Đỗ Hòa	KX	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 37' 21"	106° 52' 36"					C-48-34-D-d
nông trường Đỗ Hòa 2	KX	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 38' 46"	106° 52' 39"					C-48-34-D-b
thánh thất Tam Thôn Hiệp	KX	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ	10° 35' 17"	106° 51' 08"					C-48-34-D-c
tắc Ăn Tết	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'29"	106°53'53"	10°33'23"	106°53'59"	C-48-34-D-d
rạch An Thịt	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°34'24"	106°51'29"	10°34'40"	106°52'54"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
tắc Bà Kiên	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°36'31"	106°54'41"	10°35'18"	106°54'19"	C-48-34-D-d
rạch Bắc Ngoại	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'29"	106°51'53"	10°33'14"	106°53'09"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
Tắc Bé	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°36'14"	106°51'56"	10°35'54"	106°53'37"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
Rạch Bia	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°34'43"	106°51'55"	10°34'35"	106°52'22"	C-48-34-D-c
Rạch Bùng	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'39"	106°55'06"	10°35'38"	106°56'01"	C-48-34-D-d
tắc Cá Đao	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'14"	106°51'10"	10°33'38"	106°53'51"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
rạch Cá Nhám	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'46"	106°52'23"	10°34'21"	106°53'08"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
rạch Cá Vồ	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°32'42"	106°53'53"	10°32'40"	106°54'20"	C-48-34-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Đước	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'53"	106°50'47"	10°34'24"	106°51'29"	C-48-34-D-c
tắc Cầu Kho	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'51"	106°53'42"	10°34'42"	106°55'08"	C-48-34-D-d
rạch Con Chó	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'25"	106°55'03"	10°34'07"	106°55'03"	C-48-34-D-d
tắc Định Cậu	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'32"	106°52'03"	10°34'38"	106°53'03"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
sông Đồng Tranh	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°37'43"	106°50'06"	10°32'03"	106°55'17"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-b; C-48-34-D-d
Sông Dừa	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°36'59"	106°54'20"	10°31'49"	106°54'46"	C-48-34-D-d
Tắc Dừa	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'53"	106°50'47"	10°33'29"	106°50'17"	C-48-34-D-c
rạch Dừa Chà Là	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°37'13"	106°52'19"	10°36'34"	106°53'52"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
rạch Gia Cua	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'34"	106°54'42"	10°34'56"	106°54'49"	C-48-34-D-d
rạch Giá Lớn	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'42"	106°53'18"	10°33'25"	106°53'20"	C-48-34-D-d
Rạch Giữa	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°34'57"	106°51'56"	10°34'33"	106°52'25"	C-48-34-D-c
rạch Gốc Tre	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'08"	106°51'20"	10°34'23"	106°51'43"	C-48-34-D-c
rạch Lang Hoa	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°32'54"	106°51'41"	10°32'14"	106°51'11"	C-48-34-D-c
Tắc Lớn	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°34'16"	106°51'59"	10°33'03"	106°50'55"	C-48-34-D-c
sông Lòng Tàu	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°40'34"	106°46'26"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
rạch Long Vương	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°32'15"	106°53'06"	10°31'06"	106°53'57"	C-48-34-D-d
rạch Móc Keo	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'41"	106°50'23"	10°36'35"	106°49'49"	C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Móc Keo Lớn	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'44"	106°50'46"	10°35'05"	106°51'12"	C-48-34-D-c
rạch Mu Rùa	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°34'06"	106°54'21"	10°33'05"	106°54'16"	C-48-34-D-d
rạch Mương Bồng	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°36'32"	106°49'53"	10°35'03"	106°50'52"	C-48-34-D-c
rạch Ngã Bắc	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°37'18"	106°53'04"	10°36'29"	106°53'35"	C-48-34-D-d
Tắc Rỗi	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°35'50"	106°51'40"	10°35'51"	106°53'42"	C-48-34-D-c; C-48-34-D-d
rạch Sỏi Lớn	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°37'24"	106°51'26"	10°38'41"	106°52'58"	C-48-34-D-a; C-48-34-D-b
tắc Tây Đen	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°36'35"	106°49'49"	10°37'22"	106°50'37"	C-48-34-D-c
Rạch Tràm	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°33'19"	106°55'15"	10°32'30"	106°54'17"	C-48-34-D-d
rạch Vàm Tượng	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°37'23"	106°52'07"	10°37'53"	106°53'41"	C-48-34-D-b; C-48-34-D-c
Rạch Vọp	TV	xã Tam Thôn Hiệp	H. Cần Giờ			10°37'01"	106°51'14"	10°36'40"	106°50'22"	C-48-34-D-c
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh An	H. Cần Giờ	10° 28' 22"	106° 58' 30"					C-48-24-D-d
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh An	H. Cần Giờ	10° 28' 12"	106° 58' 23"					C-48-46-B-b
ấp Thiềng Liềng	DC	xã Thạnh An	H. Cần Giờ	10° 30' 52"	106° 57' 09"					C-48-46-B-b
đồn biên phòng Thạnh An	KX	xã Thạnh An	H. Cần Giờ	10° 28' 09"	106° 58' 23"					C-48-46-B-b
rạch Ba Giòng	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°28'54"	106°57'45"	10°28'33"	106°58'17"	C-48-46-B-b
Tắc Bài	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°35'14"	106°55'46"	10°33'34"	106°58'53"	C-48-34-D-d
rạch Bàn Học	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°32'48"	106°58'12"	10°32'19"	106°57'58"	C-48-34-D-d
tắc Bức Mây	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'12"	106°55'56"	10°33'39"	106°58'01"	C-48-34-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Bùng	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°28'59"	106°56'52"	10°26'46"	106°56'56"	C-48-46-B-b
tắc Cá Chồn	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°31'17"	107°00'02"	10°30'58"	106°59'09"	C-48-34-D-d; C-48-35-C-c
rạch Cá Nhám	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°32'21"	106°57'22"	10°30'25"	106°59'51"	C-48-34-D-d
sông Cái Mép	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°31'27"	107°00'43"	10°29'58"	106°59'49"	C-48-35-C-c; C-48-34-D-d
Tắc Cân	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°31'43"	106°57'51"	10°31'22"	106°58'20"	C-48-34-D-d
tắc Cán Gáo	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°29'56"	106°56'51"	10°30'13"	106°58'06"	C-48-34-D-d; C-48-46-B-b
tắc Cù Bắp	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°29'30"	106°57'21"	10°29'36"	106°58'36"	C-48-46-B-b
Tắc Cua	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°36'05"	106°56'00"	10°35'00"	106°58'36"	C-48-34-D-d
Tắc Cua*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'07"	106°59'39"	10°32'58"	107°00'12"	C-48-34-D-d; C-48-35-C-c
rạch Đòi Nợ	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°32'55"	106°58'31"	10°33'26"	106°58'41"	C-48-34-D-d
tắc Đòi Nợ	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'20"	106°58'30"	10°32'18"	106°57'32"	C-48-34-D-d
sông Đồng Tranh	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°37'43"	106°50'06"	10°32'03"	106°55'17"	C-48-34-D-d
rạch Đuôi Cá	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'50"	106°57'01"	10°34'57"	106°55'35"	C-48-34-D-d
ngọn Giá Lớn	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°32'46"	106°56'23"	10°32'59"	106°55'53"	C-48-34-D-d
sông Gò Gia*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°35'48"	106°59'04"	10°31'27"	107°00'43"	C-48-34-D-d; C-48-35-C-c
Tắc Hẹp	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'12"	106°58'22"	10°32'48"	106°58'12"	C-48-34-D-d
Tắc Hồng*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'45"	106°59'29"	10°31'54"	107°00'03"	C-48-35-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngọn Hốt Hỏa	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°34'52"	106°58'04"	10°34'15"	106°58'44"	C-48-34-D-d
rạch Hốt Hỏa	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°35'21"	106°57'40"	10°34'25"	106°57'44"	C-48-34-D-d
tắc Kho Nhỏ*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°32'28"	106°58'58"	10°32'35"	106°59'56"	C-48-34-D-d
sông Lòng Tàu	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°40'34"	106°46'26"	10°26'04"	106°58'15"	C-48-34-D-d; C-48-46-B-b
rạch Năm Mươi	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°30'48"	106°57'30"	10°29'58"	106°58'35"	C-48-34-D-d; C-48-46-B-b
ngọn Nhau Mèo	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°34'38"	106°56'42"	10°34'39"	106°57'21"	C-48-34-D-d
rạch Oan Lớn*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°34'35"	106°59'43"	10°33'23"	107°00'31"	C-48-34-D-d; C-48-35-C-c
tắc Ông Cò*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°36'50"	107°00'24"	10°35'48"	106°59'04"	C-48-34-D-d; C-48-35-C-c
rạch Ông Cu	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°35'23"	106°57'24"	10°34'31"	106°57'29"	C-48-34-D-d
rạch Ông Múng	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°32'29"	106°56'20"	10°32'07"	106°57'20"	C-48-34-D-d
rạch Quán Giữa	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°31'55"	106°58'50"	10°30'55"	106°58'51"	C-48-34-D-d
Sông Thêu	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°30'25"	106°59'51"	10°26'46"	106°56'56"	C-48-34-D-d; C-48-46-B-b
sông Thị Vải*	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°36'50"	107°00'24"	10°31'27"	107°00'43"	C-48-35-C-c
rạch Thiềng Liềng	TV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ			10°33'21"	106°56'42"	10°30'37"	106°56'51"	C-48-34-D-d
núi Giồng Chùa	SV	xã Thạnh An	H. Cần Giờ	10° 32' 20"	106° 58' 24"					C-48-34-D-d
Khu phố 1	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 24"	106° 29' 12"					C-48-33-B-b
Khu phố 2	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 15"	106° 29' 41"					C-48-33-B-b
Khu phố 3	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 59' 00"	106° 29' 47"					C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 34"	106° 29' 56"					C-48-33-B-b
Khu phố 5	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 13"	106° 28' 52"					C-48-33-B-b
Khu phố 6	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 00"	106° 29' 41"					C-48-33-B-b
Khu phố 7	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 43"	106° 29' 33"					C-48-33-B-b
Khu phố 8	DC	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 29"	106° 29' 08"					C-48-33-B-b
Quốc lộ 22	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-33-B-b
quốc lộ N2	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi			10°58'10"	106°29'04"	10°56'35"	106°27'06"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
Đường tỉnh 2	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-34-A-a
Đường tỉnh 8	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
bến xe Củ Chi	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 22"	106° 28' 50"					C-48-33-B-b
chợ Củ Chi	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi	10° 58' 16"	106° 28' 49"					C-48-33-B-b
đường Giáp Hải	KX	TT. Củ Chi	H. Củ Chi			10°58'21"	106°28'47"	10°58'39"	106°28'57"	C-48-33-B-b
kênh N31A	TV	TT. Củ Chi	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
ấp Ba Sòng	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 04' 28"	106° 27' 30"					C-48-21-D
ấp Bàu Đưng	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 05' 23"	106° 28' 17"					C-48-21-D
ấp Bến Mương	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 04' 54"	106° 30' 55"					C-48-22-C-c
ấp Chợ Cũ	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 05' 30"	106° 31' 00"					C-48-22-C-c
ấp Chợ Cũ 2	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 05' 29"	106° 30' 41"					C-48-22-C-c
ấp Gò Nổi	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 03' 02"	106° 27' 59"					C-48-21-D
ấp Gò Nổi A	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 03' 35"	106° 28' 00"					C-48-21-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Gót Chàng	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 04' 19"	106° 29' 47"					C-48-21-D
ấp Lô 6	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 04' 20"	106° 28' 00"					C-48-21-D
ấp Xóm Mới	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 03' 40"	106° 28' 41"					C-48-21-D
ấp Xóm Trại	DC	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 04' 42"	106° 30' 04"					C-48-22-C-c
Đường tỉnh 7	KX	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			11°05'22"	106°30'45"	10°58'59"	106°21'43"	C-48-22-C-c; C-48-21-D
Đường tỉnh 15	KX	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-22-C-c
cầu Kênh N25	KX	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 03' 33"	106° 28' 19"					C-48-21-D
đường Nguyễn Thị Rành	KX	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			10°58'41"	106°28'10"	11°07'48"	106°28'58"	C-48-21-D
cầu Rạch Sơn	KX	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi	11° 04' 27"	106° 31' 03"					C-48-22-C-c
rạch Cầu Đen	TV	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			11°06'32"	106°30'30"	11°06'08"	106°30'53"	C-48-22-C-c
kênh Đức Lập	TV	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			11°06'35"	106°26'17"	11°00'32"	106°30'00"	C-48-21-D
kênh N25	TV	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			11°05'37"	106°28'53"	11°04'55"	106°25'35"	C-48-21-D
sông Sài Gòn	TV	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-22-C-c
Rạch Sơn	TV	xã An Nhơn Tây	H. Củ Chi			11°03'42"	106°29'19"	11°04'29"	106°31'20"	C-48-22-C-c
ấp An Bình	DC	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 05' 58"	106° 29' 20"					C-48-21-D
ấp An Hòa	DC	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 06' 45"	106° 29' 27"					C-48-21-D
ấp Phú Bình	DC	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 07' 23"	106° 29' 52"					C-48-21-D
ấp Phú Trung	DC	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 07' 55"	106° 29' 31"					C-48-21-D-b
ấp Xóm Chùa	DC	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 06' 28"	106° 30' 35"					C-48-22-C-a
ấp Xóm Thuốc	DC	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 07' 00"	106° 30' 13"					C-48-22-C-a
Đường tỉnh 15	KX	xã An Phú	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-21-D; C-48-21-D-b; C-48-22-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu du lịch Một thoáng Việt Nam	KX	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 07' 59"	106° 30' 03"					C-48-22-C-a
trại nuôi bò Số 3	KX	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 05' 44"	106° 29' 10"					C-48-21-D
trại nuôi bò Số 4	KX	xã An Phú	H. Củ Chi	11° 05' 59"	106° 29' 40"					C-48-21-D
rạch Bà Phước	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°07'57"	106°28'56"	11°08'41"	106°29'26"	C-48-21-D-b
rạch Bà Tài	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°06'35"	106°31'05"	11°06'37"	106°31'31"	C-48-22-C-c
rạch Bò Cạp	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°07'23"	106°30'30"	11°08'19"	106°30'29"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c
rạch Cầu Đen	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°06'32"	106°30'30"	11°06'08"	106°30'53"	C-48-22-C-c
rạch Cây Xoài	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°06'43"	106°31'07"	11°06'53"	106°31'33"	C-48-22-C-c
kênh N25	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°05'37"	106°28'53"	11°04'55"	106°25'35"	C-48-21-D
sông Sài Gòn	TV	xã An Phú	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-22-C-a; C-48-21-D-b; C-48-22-C-c
Ấp 1	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 58' 31"	106° 38' 36"					C-48-34-A-b
Ấp 2	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 58' 41"	106° 38' 38"					C-48-34-A-b
Ấp 3	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 58' 32"	106° 37' 42"					C-48-34-A-b
Ấp 4A	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 57' 22"	106° 38' 27"					C-48-34-A-b
Ấp 4B	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 57' 29"	106° 37' 55"					C-48-34-A-b
Ấp 5	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 56' 24"	106° 38' 35"					C-48-34-A-b
Ấp 6A	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 55' 36"	106° 38' 51"					C-48-34-A-b
Ấp 6B	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 55' 39"	106° 38' 01"					C-48-34-A-b
Ấp 7	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 55' 36"	106° 37' 26"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 8	DC	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 55' 33"	106° 36' 59"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 8	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Đường tỉnh 15	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-34-A-a
đường Bình Mỹ	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'51"	106°38'42"	10°55'26"	106°36'03"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
đường Hà Duy Phiên	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'15"	106°38'51"	10°58'28"	106°38'16"	C-48-34-A-b
cầu Phú Cường	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 58' 56"	106° 38' 30"					C-48-34-A-b
đường Võ Văn Bích	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°58'02"	106°38'18"	10°55'17"	106°35'55"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Cầu Xáng	KX	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi	10° 55' 08"	106° 35' 55"					C-48-34-A-a
rạch Bà Bếp	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°57'05"	106°37'28"	10°58'50"	106°37'34"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
kênh Cấp 2	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°58'21"	106°38'14"	10°58'02"	106°38'17"	C-48-34-A-b
rạch Cầu Bà Đế	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°58'08"	106°37'54"	10°57'59"	106°38'14"	C-48-34-A-b
rạch Cầu Cũ	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'55"	106°36'49"	10°55'45"	106°37'29"	C-48-34-A-a
rạch Cầu Nhà Việc	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'45"	106°37'29"	10°55'02"	106°37'56"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
rạch Cây Đa	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'28"	106°36'39"	10°55'03"	106°36'24"	C-48-34-A-a
rạch Cây Dương	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°56'23"	106°37'31"	10°55'02"	106°38'10"	C-48-34-A-b
rạch Chòm Sấu	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°56'60"	106°37'32"	10°55'28"	106°36'39"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Rạch Chùa	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°58'43"	106°38'07"	10°58'10"	106°38'03"	C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Dứa	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°57'07"	106°36'51"	10°58'19"	106°38'52"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
rạch Đá Hàn	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'46"	106°36'60"	10°54'56"	106°37'13"	C-48-34-A-a
Rạch Đừng	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°57'58"	106°38'13"	10°57'05"	106°37'28"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Rỏng Gạn	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°56'57"	106°36'37"	10°56'33"	106°37'10"	C-48-34-A-a
Kinh Mời	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°56'60"	106°37'32"	10°56'11"	106°37'58"	C-48-34-A-b
Kênh Năm	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°57'05"	106°37'28"	10°56'17"	106°36'45"	C-48-34-A-a
sông Rạch Tra	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°55'09"	106°35'50"	10°55'37"	106°39'21"	C-48-34-A-a
rạch Ròng Trâu Dưới	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°56'26"	106°38'03"	10°55'07"	106°38'25"	C-48-34-A-b
rạch Ròng Trâu Trên	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			10°56'11"	106°37'58"	10°55'03"	106°38'14"	C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	xã Bình Mỹ	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Ấp 1	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 58' 46"	106° 36' 44"					C-48-34-A-a
Ấp 1A	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 59' 09"	106° 36' 27"					C-48-34-A-a
Ấp 2	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 58' 42"	106° 36' 57"					C-48-34-A-a
Ấp 2A	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 58' 54"	106° 36' 59"					C-48-34-A-a
Ấp 3	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 58' 04"	106° 36' 39"					C-48-34-A-a
Ấp 4	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 58' 57"	106° 35' 58"					C-48-34-A-a
Ấp 5	DC	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 59' 31"	106° 36' 08"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 8	KX	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a
đường Bến Than	KX	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			10°59'01"	106°36'57"	10°56'54"	106°36'15"	C-48-34-A-a
Khu công nghiệp Đông Nam	KX	xã Hòa Phú	H. Củ Chi	10° 58' 28"	106° 37' 12"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Sông Lu	KX	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			10°58'53"	106°36'34"	10°59'59"	106°35'40"	C-48-34-A-a
Đường tỉnh 15	KX	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-22-C-c
rạch Bà Bếp	TV	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			10°57'05"	106°37'28"	10°58'50"	106°37'34"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
rạch Bà Nga	TV	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			10°59'18"	106°35'49"	10°59'52"	106°36'19"	C-48-34-A-a
Sông Lu	TV	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			11°00'50"	106°36'12"	10°59'41"	106°36'53"	C-48-34-A-a
sông Sài Gòn	TV	xã Hòa Phú	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
ấp Bàu Cạp	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 00' 59"	106° 29' 47"					C-48-21-D
ấp Bàu Chứa	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 01' 00"	106° 29' 23"					C-48-21-D
ấp Bàu Trăn	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 02' 54"	106° 29' 37"					C-48-21-D
ấp Bàu Tròn	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 01' 40"	106° 29' 08"					C-48-21-D
ấp Bến Đình	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 03' 09"	106° 32' 19"					C-48-22-C-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 02' 25"	106° 29' 04"					C-48-21-D
ấp Canh Lý	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 03' 04"	106° 28' 58"					C-48-21-D
ấp Đức Hiệp	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 00' 55"	106° 30' 29"					C-48-22-C-c
ấp Xóm Bưng	DC	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 03' 33"	106° 29' 48"					C-48-21-D
cầu Bến Mương	KX	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 00' 29"	106° 30' 49"					C-48-22-C-c
khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi - Bến Đình	KX	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 03' 52"	106° 31' 39"					C-48-22-C-c
cầu Đức Lập	KX	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 00' 58"	106° 28' 36"					C-48-21-D
đường Nguyễn Thị Rành	KX	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi			10°58'41"	106°28'10"	11°07'48"	106°28'58"	C-48-21-D
cầu Rạch Sơn	KX	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi	11° 04' 27"	106° 31' 03"					C-48-22-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bến Mương	TV	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi			11°00'32"	106°30'00"	10°59'48"	106°32'13"	C-48-22-C-c
kênh Đức Lập	TV	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi			11°06'35"	106°26'17"	11°00'32"	106°30'00"	C-48-21-D
sông Sài Gòn	TV	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-22-C-c
Rạch Sơn	TV	xã Nhuận Đức	H. Củ Chi			11°03'42"	106°29'19"	11°04'29"	106°31'20"	C-48-22-C-c; C-48-21-D
Ấp 1	DC	xã Phạm Văn Cội	H. Củ Chi	11° 01' 00"	106° 31' 46"					C-48-22-C-c
Ấp 2	DC	xã Phạm Văn Cội	H. Củ Chi	11° 01' 20"	106° 32' 25"					C-48-22-C-c
Ấp 3	DC	xã Phạm Văn Cội	H. Củ Chi	11° 02' 02"	106° 31' 22"					C-48-22-C-c
Ấp 4	DC	xã Phạm Văn Cội	H. Củ Chi	11° 03' 11"	106° 31' 20"					C-48-22-C-c
Ấp 5	DC	xã Phạm Văn Cội	H. Củ Chi	11° 03' 27"	106° 30' 39"					C-48-22-C-c
khu nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	KX	xã Phạm Văn Cội	H. Củ Chi	11° 01' 23"	106° 31' 13"					C-48-22-C-c
ấp Bến Cỏ	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 02' 24"	106° 33' 47"					C-48-22-C-c
ấp Cây Trắc	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 06"	106° 32' 08"					C-48-22-C-c
ấp Cây Trâm	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 00"	106° 32' 57"					C-48-22-C-c
Ấp Chợ	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 36"	106° 33' 48"					C-48-22-C-c
ấp Phú An	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 02' 00"	106° 33' 39"					C-48-22-C-c
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 02' 18"	106° 33' 10"					C-48-22-C-c
ấp Phú Hiệp	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 00' 18"	106° 32' 11"					C-48-22-C-c
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 07"	106° 33' 27"					C-48-22-C-c
ấp Phú Lợi	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 48"	106° 34' 01"					C-48-22-C-c
ấp Phú Mỹ	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 36"	106° 33' 36"					C-48-22-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Thuận	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 17"	106° 33' 56"					C-48-22-C-c
ấp Phú Trung	DC	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 31"	106° 34' 16"					C-48-22-C-c
Đường tỉnh 15	KX	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-22-C-c
cầu Bến Mương	KX	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 00' 29"	106° 30' 49"					C-48-22-C-c
cầu Bến Nẩy	KX	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 00' 52"	106° 33' 41"					C-48-22-C-c
chùa Bửu Ân	KX	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 02' 11"	106° 33' 33"					C-48-22-C-c
chùa Linh Sơn	KX	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi	11° 01' 26"	106° 33' 47"					C-48-22-C-c
rạch Bến Mương	TV	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			11°00'32"	106°30'00"	10°59'48"	106°32'13"	C-48-22-C-c
rạch Cây Da	TV	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			11°01'11"	106°34'34"	11°01'29"	106°35'37"	C-48-22-C-c
rạch Cu Lượng	TV	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			11°02'12"	106°33'53"	11°03'01"	106°34'35"	C-48-22-C-c
rạch Láng The	TV	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	11°02'22"	106°34'52"	C-48-22-C-c; C-48-34-A-a
rạch Nàng Âm	TV	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			11°02'24"	106°34'07"	11°02'46"	106°33'54"	C-48-22-C-c
rạch Ông Đa	TV	xã Phú Hòa Đông	H. Củ Chi			11°02'13"	106°34'15"	11°02'28"	106°34'47"	C-48-22-C-c
ấp Phú Hiệp	DC	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 08' 32"	106° 28' 06"					C-48-21-D-b
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 07' 23"	106° 26' 41"					C-48-21-D
ấp Phú Lợi	DC	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 07' 59"	106° 28' 39"					C-48-21-D-b
ấp Phú Thuận	DC	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 05' 50"	106° 27' 15"					C-48-21-D
Đường tỉnh 6	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°08'36"	106°28'03"	11°07'55"	106°26'45"	C-48-21-D-b
Đường tỉnh 15	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-21-D-b
đền Tưởng niệm Liệt sỹ Bến Dược	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 08' 28"	106° 27' 34"					C-48-21-D-b
cầu Bến Súc	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 09' 21"	106° 26' 59"					C-48-21-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (khu A)	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 08' 33"	106° 27' 29"					C-48-21-D-b
khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (khu B)	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 08' 20"	106° 27' 47"					C-48-21-D-b
đường Nguyễn Thị Rành	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			10°58'41"	106°28'10"	11°07'48"	106°28'58"	C-48-21-D; C-48-21-D-b
cầu Thai Thai	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 08' 14"	106° 28' 23"					C-48-21-D-b
Cầu Trắng	KX	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi	11° 07' 51"	106° 28' 48"					C-48-21-D-b
rạch Bà Phước	TV	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°07'57"	106°28'56"	11°08'41"	106°29'26"	C-48-21-D-b
kênh Đức Lập	TV	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°06'35"	106°26'17"	11°00'32"	106°30'00"	C-48-21-D
suối Hố Bò	TV	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°06'13"	106°28'06"	11°08'34"	106°28'43"	C-48-21-D; C-48-21-D-b
kênh N25	TV	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°05'37"	106°28'53"	11°04'55"	106°25'35"	C-48-21-D
rạch Thai Thai	TV	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°05'24"	106°25'33"	11°08'33"	106°28'37"	C-48-21-D; C-48-21-D-b
sông Sài Gòn	TV	xã Phú Mỹ Hưng	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-21-D-b
ấp Ba Sa	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	11° 00' 38"	106° 27' 09"					C-48-21-D
ấp Cây Trôm	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 59' 57"	106° 26' 50"					C-48-33-B-b
ấp Mũi Côn Đại	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 59' 03"	106° 27' 13"					C-48-33-B-b
ấp Mũi Côn Tiểu	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 58' 44"	106° 27' 24"					C-48-33-B-b
ấp Phước Hòa	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 59' 29"	106° 26' 47"					C-48-33-B-b
ấp Trại Đèn	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 59' 20"	106° 26' 09"					C-48-33-B-b
ấp Trung Viết	DC	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 59' 39"	106° 27' 51"					C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 22	KX	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-21-D; C-48-33-B-b
đường Nguyễn Thị Rành	KX	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			10°58'41"	106°28'10"	11°07'48"	106°28'58"	C-48-21-D; C-48-33-B-b
cầu Trại Đèn	KX	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 59' 11"	106° 25' 43"					C-48-33-B-b
khu liên hợp Xử lý chất thải rắn Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi	10° 57' 58"	106° 26' 13"					C-48-33-B-b
Kênh 14	TV	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			10°58'13"	106°27'27"	10°57'01"	106°26'31"	C-48-33-B-b
Kênh 15	TV	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			10°58'38"	106°27'06"	10°57'21"	106°26'05"	C-48-33-B-b
Kênh Đông	TV	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			11°05'00"	106°25'32"	11°00'00"	106°27'15"	C-48-21-D; C-48-33-B-b
Kênh Nổi	TV	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			10°58'33"	106°27'19"	10°59'30"	106°22'10"	C-48-33-B-b
kênh T39	TV	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			11°01'07"	106°27'58"	11°01'53"	106°25'24"	C-48-33-B-b
Kênh Xáng	TV	xã Phước Hiệp	H. Củ Chi			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-33-B-b
ấp Bàu Điều	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 46"	106° 26' 32"					C-48-21-D
ấp Bàu Điều Thượng	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 56"	106° 25' 51"					C-48-21-D
ấp Bàu Trâu	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 01' 56"	106° 25' 39"					C-48-21-D
Ấp Chợ	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 20"	106° 25' 42"					C-48-21-D
ấp Mây Đắng	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 51"	106° 24' 49"					C-48-21-D
ấp Mít Nài	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 01' 33"	106° 25' 15"					C-48-21-D
ấp Phước An	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 27"	106° 25' 11"					C-48-21-D
ấp Phước Hưng	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 32"	106° 25' 58"					C-48-21-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phước Lộc	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 00' 46"	106° 25' 11"					C-48-21-D
ấp Vườn Trầu	DC	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi	11° 01' 35"	106° 24' 42"					C-48-21-D
Quốc lộ 22	KX	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-21-D
Đường tỉnh 7	KX	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi			11°05'22"	106°30'45"	10°58'59"	106°21'43"	C-48-21-D; C-48-33-B-b
kênh N38	TV	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi			10°58'33"	106°25'34"	10°59'43"	106°22'36"	C-48-21-D
Kênh Đông	TV	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi			11°05'00"	106°25'32"	11°00'00"	106°27'15"	C-48-21-D
Suối Sâu	TV	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi			11°02'07"	106°24'54"	11°00'02"	106°24'57"	C-48-21-D
kênh T39	TV	xã Phước Thạnh	H. Củ Chi			11°01'07"	106°27'58"	11°01'53"	106°25'24"	C-48-33-B-b
Ấp 1	DC	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 58' 06"	106° 31' 50"					C-48-34-A-a
Ấp 2	DC	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 57' 43"	106° 31' 46"					C-48-34-A-a
Ấp 3	DC	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 58' 25"	106° 30' 53"					C-48-34-A-a
Ấp 4	DC	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 58' 58"	106° 30' 39"					C-48-34-A-a
Ấp 5	DC	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 59' 14"	106° 31' 10"					C-48-34-A-a
Ấp 6	DC	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 59' 35"	106° 31' 25"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 2	KX	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
Đường tỉnh 8	KX	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a
cầu Bến Mương	KX	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	11° 00' 29"	106° 30' 49"					C-48-22-C-c
căn cứ Đồng Dù	KX	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 59' 33"	106° 30' 31"					C-48-34-A-a
cầu Láng The	KX	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi	10° 59' 12"	106° 32' 09"					C-48-34-A-a
rạch Bến Mương	TV	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi			11°00'32"	106°30'00"	10°59'48"	106°32'13"	C-48-22-C-c; C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Địa Phận	TV	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	10°55'14"	106°35'02"	C-48-34-A-a
kênh N31A	TV	xã Phước Vĩnh An	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
ấp Bàu Tre 1	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 58' 13"	106° 27' 57"					C-48-33-B-b
ấp Bàu Tre 2	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 58' 46"	106° 28' 29"					C-48-33-B-b
ấp Cây Sộp	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 59' 03"	106° 29' 19"					C-48-33-B-b
Ấp Hậu	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 57' 33"	106° 29' 36"					C-48-33-B-b
ấp Mũi Lớn 1	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 57' 43"	106° 27' 52"					C-48-33-B-b
ấp Mũi Lớn 2	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 57' 11"	106° 28' 17"					C-48-33-B-b
ấp Tam Tân	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 56' 51"	106° 27' 21"					C-48-33-B-b
Ấp Tây	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 57' 60"	106° 28' 53"					C-48-33-B-b
ấp Xóm Chùa	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 57' 36"	106° 29' 10"					C-48-33-B-b
Đường tỉnh 2	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-33-B-b
Quốc lộ 22	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-33-B-b
cầu Bến Mương	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	11° 00' 29"	106° 30' 49"					C-48-22-C-c
Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 58' 35"	106° 28' 31"					C-48-33-B-b
đường Giáp Hải	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°58'21"	106°28'47"	10°58'39"	106°28'57"	C-48-33-B-b
Quốc lộ N2	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°56'35"	106°27'06"	C-48-33-B-b
đường Nguyễn Thị Rành	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°58'41"	106°28'10"	11°07'48"	106°28'58"	C-48-33-B-b
Khu công nghiệp Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 58' 26"	106° 23' 14"					C-48-33-B-b
cầu Thầy Cai	KX	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 56' 35"	106° 27' 06"					C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 8	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°55'34"	106°29'07"	10°56'54"	106°29'49"	C-48-33-B-b
Kênh 9	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°55'48"	106°28'38"	10°57'07"	106°29'19"	C-48-33-B-b
Kênh 10	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°56'03"	106°28'10"	10°57'33"	106°29'06"	C-48-33-B-b
Kênh 14	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°58'13"	106°27'27"	10°57'01"	106°26'31"	C-48-33-B-b
rạch Bến Mương	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			11°00'32"	106°30'00"	10°59'48"	106°32'13"	C-48-22-C-c
kênh Đức Lập	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			11°06'35"	106°26'17"	11°00'32"	106°30'00"	C-48-21-D
rạch Mũi Chùa	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°56'54"	106°28'53"	10°56'06"	106°28'28"	C-48-33-B-b
kênh N31A	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-33-B-b
Kênh Xáng	TV	xã Tân An Hội	H. Củ Chi			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-33-B-b
ấp Xóm Huế	DC	xã Tân An Hội	H. Củ Chi	10° 57' 19"	106° 29' 31"					C-48-33-B-b
ấp Bến Đò 1	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 19"	106° 31' 31"					C-48-34-A-a
ấp Bến Đò 2	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 01"	106° 31' 42"					C-48-34-A-a
ấp Cây Da	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 57' 29"	106° 32' 05"					C-48-34-A-a
Ấp Chợ	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 11"	106° 32' 58"					C-48-34-A-a
Ấp Đình	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 41"	106° 32' 04"					C-48-34-A-a
ấp Giòng Sao	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 50"	106° 32' 59"					C-48-34-A-a
Ấp Giữa	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 12"	106° 32' 37"					C-48-34-A-a
ấp Láng Cát	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 56' 33"	106° 33' 35"					C-48-34-A-a
ấp Phú Lợi	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 57' 51"	106° 32' 51"					C-48-34-A-a
ấp Trạm Bơm	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 55' 13"	106° 33' 17"					C-48-34-A-a
ấp Xóm Đồng	DC	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 57' 03"	106° 32' 32"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 2	KX	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 22	KX	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a
cầu An Hạ	KX	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 55' 09"	106° 33' 40"					C-48-34-A-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Fujifim	KX	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 55' 23"	106° 33' 23"					C-48-34-A-a
Khu công nghiệp Tân Phú Trung	KX	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi	10° 55' 26"	106° 32' 31"					C-48-34-A-a
kênh Địa Phận	TV	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	10°55'14"	106°35'02"	C-48-34-A-a
kênh N31A	TV	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-34-A-a
Kênh Xáng	TV	xã Tân Phú Trung	H. Củ Chi			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-34-A-a
Ấp 1	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 57"	106° 36' 24"					C-48-34-A-a
Ấp 2	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 20"	106° 36' 14"					C-48-34-A-a
Ấp 2A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 19"	106° 36' 28"					C-48-34-A-a
Ấp 3A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 31"	106° 36' 09"					C-48-34-A-a
Ấp 3B	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 45"	106° 36' 01"					C-48-34-A-a
Ấp 4	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 58' 09"	106° 36' 04"					C-48-34-A-a
Ấp 4A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 57"	106° 35' 41"					C-48-34-A-a
Ấp 5	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 58' 17"	106° 35' 17"					C-48-34-A-a
Ấp 6	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 58' 22"	106° 34' 16"					C-48-34-A-a
Ấp 6A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 58' 06"	106° 34' 34"					C-48-34-A-a
Ấp 7	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 35"	106° 35' 24"					C-48-34-A-a
Ấp 7A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 48"	106° 35' 10"					C-48-34-A-a
Ấp 8	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 32"	106° 35' 44"					C-48-34-A-a
Ấp 9	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 05"	106° 35' 48"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp 9A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 57' 17"	106° 35' 49"					C-48-34-A-a
Ấp 10	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 44"	106° 36' 02"					C-48-34-A-a
Ấp 11	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 42"	106° 36' 17"					C-48-34-A-a
Ấp 11A	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 34"	106° 36' 11"					C-48-34-A-a
Ấp 12	DC	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 58' 41"	106° 34' 51"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 8	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a
Đường tỉnh 15	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-34-A-a
đường Bến Than	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°59'01"	106°36'57"	10°56'54"	106°36'15"	C-48-34-A-a
chùa Phương Linh	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 41"	106° 36' 13"					C-48-34-A-a
cầu Tân Thạnh Đông	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 19"	106° 36' 08"					C-48-34-A-a
đình Tân Thạnh Đông	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi	10° 56' 58"	106° 36' 17"					C-48-34-A-a
đường Võ Văn Bích	KX	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°58'02"	106°38'18"	10°55'17"	106°35'55"	C-48-34-A-a
rạch Bà Bếp	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°57'05"	106°37'28"	10°58'50"	106°37'34"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
rạch Bàn Nóng	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'25"	106°34'38"	10°56'29"	106°35'01"	C-48-34-A-a
rạch Bến Bà Thủ	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'47"	106°35'42"	10°56'19"	106°35'47"	C-48-34-A-a
rạch Đìa Chùm	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'07"	106°34'43"	10°56'42"	106°35'35"	C-48-34-A-a
kênh Địa Phận	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	10°55'14"	106°35'02"	C-48-34-A-a
Rạch Dứa	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°57'07"	106°36'51"	10°58'19"	106°38'52"	C-48-34-A-a
kênh Đường Đò	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'19"	106°35'47"	10°55'09"	106°35'50"	C-48-34-A-a
rạch Đường Khai	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'48"	106°34'27"	10°56'47"	106°35'42"	C-48-34-A-a
Rỏng Gạn	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'57"	106°36'37"	10°56'33"	106°37'10"	C-48-34-A-a
rạch Lung Lờn	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°57'22"	106°35'01"	10°58'11"	106°33'44"	C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Lung Trà	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'08"	106°36'36"	10°56'20"	106°36'05"	C-48-34-A-a
Kênh Năm	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°57'05"	106°37'28"	10°56'17"	106°36'45"	C-48-34-A-a
ngọn Rỗng Cát	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°56'29"	106°35'01"	10°56'47"	106°35'42"	C-48-34-A-a
rạch Rỗng Dài	TV	xã Tân Thạnh Đông	H. Củ Chi			10°57'09"	106°36'47"	10°56'51"	106°37'15"	C-48-34-A-a
Ấp 1	DC	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 41"	106° 34' 11"					C-48-34-A-a
Ấp 1A	DC	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 03"	106° 34' 13"					C-48-34-A-a
Ấp 2	DC	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 09"	106° 33' 00"					C-48-34-A-a
Ấp 2A	DC	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 06"	106° 33' 23"					C-48-34-A-a
Ấp 3	DC	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 16"	106° 32' 24"					C-48-34-A-a
Ấp 3A	DC	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 07"	106° 32' 44"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 8	KX	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a
Đường tỉnh 15	KX	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-22-C-c; C-48-34-A-a
cầu Láng The	KX	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi	10° 59' 12"	106° 32' 09"					C-48-34-A-a
kênh Địa Phận	TV	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	10°55'14"	106°35'02"	C-48-34-A-a
rạch Láng The	TV	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	11°02'22"	106°34'52"	C-48-22-C-c; C-48-34-A-a
rạch Rõng Chùa	TV	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi			10°58'58"	106°33'34"	10°58'20"	106°33'34"	C-48-34-A-a
rạch Rõng Năng	TV	xã Tân Thạnh Tây	H. Củ Chi			10°59'22"	106°33'12"	10°00'25"	106°33'13"	C-48-34-A-a
ấp Bàu Sim	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 57' 09"	106° 31' 21"					C-48-34-A-a
Ấp Chánh	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 56' 40"	106° 30' 39"					C-48-34-A-a
Ấp Hậu	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 57' 40"	106° 31' 12"					C-48-34-A-a
ấp Tân Định	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 57' 40"	106° 30' 24"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 58' 02"	106° 30' 02"					C-48-34-A-a
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 58' 25"	106° 30' 14"					C-48-34-A-a
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 57' 54"	106° 30' 14"					C-48-34-A-a
Ấp Thượng	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 57' 21"	106° 30' 14"					C-48-34-A-a
Ấp Tiền	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 56' 20"	106° 31' 07"					C-48-34-A-a
Ấp Trung	DC	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 57' 07"	106° 30' 45"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 2	KX	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-34-A-a
Quốc lộ 22	KX	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
sân golf Nhân Sư	KX	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 55' 39"	106° 30' 08"					C-48-34-A-a
Nhà máy Nước Kênh Đông	KX	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi	10° 56' 31"	106° 30' 04"					C-48-34-A-a
Kênh 5	TV	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°55'10"	106°30'52"	10°55'55"	106°30'59"	C-48-34-A-a
Kênh 6	TV	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°55'14"	106°30'20"	10°56'31"	106°30'30"	C-48-34-A-a
Kênh 7	TV	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°55'19"	106°29'36"	10°56'40"	106°30'19"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
Kênh 8	TV	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°55'34"	106°29'07"	10°56'54"	106°29'49"	C-48-33-B-b
kênh N31A	TV	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
Kênh Xáng	TV	xã Tân Thông Hội	H. Củ Chi			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
ấp Bình Hạ Đông	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 17"	106° 22' 37"					C-48-33-B-b
ấp Bình Hạ Tây	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 53"	106° 22' 19"					C-48-33-B-a
ấp Bình Thượng 1	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 09"	106° 23' 05"					C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Thượng 2	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 39"	106° 24' 07"					C-48-33-B-b
ấp Mỹ Khánh A	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 13"	106° 25' 03"					C-48-33-B-b
ấp Mỹ Khánh B	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 39"	106° 24' 42"					C-48-33-B-b
Ấp Tháp	DC	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	11° 00' 16"	106° 24' 22"					C-48-21-D
Đường tỉnh 7	KX	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			11°05'22"	106°30'45"	10°58'59"	106°21'43"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b
cầu Trại Đèn	KX	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi	10° 59' 11"	106° 25' 43"					C-48-33-B-b
Kênh 17	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			10°58'48"	106°25'51"	10°58'01"	106°25'14"	C-48-33-B-b
Kênh 18	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			10°58'59"	106°25'20"	10°58'19"	106°24'50"	C-48-33-B-b
kênh N38	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			11°01'37"	106°25'34"	10°59'43"	106°22'36"	C-48-21-D; C-48-33-B-b
rạch Cầu Mương	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			10°59'53"	106°21'42"	10°59'59"	106°22'00"	C-48-33-B-a
Kênh Nổi	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			10°58'33"	106°27'19"	10°59'30"	106°22'10"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b
Suối Sâu	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			11°02'07"	106°24'54"	11°00'02"	106°24'57"	C-48-21-D
Kênh Xáng	TV	xã Thái Mỹ	H. Củ Chi			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b
ấp An Bình	DC	xã Trung An	H. Củ Chi	11° 00' 19"	106° 35' 16"					C-48-22-C-c
ấp An Hòa	DC	xã Trung An	H. Củ Chi	11° 00' 14"	106° 35' 39"					C-48-22-C-c
ấp Bốn Phú	DC	xã Trung An	H. Củ Chi	11° 01' 35"	106° 35' 25"					C-48-22-C-c
Ấp Chợ	DC	xã Trung An	H. Củ Chi	10° 59' 41"	106° 35' 29"					C-48-34-A-a
ấp Hội Thạnh	DC	xã Trung An	H. Củ Chi	10° 59' 05"	106° 35' 10"					C-48-34-A-a
ấp Thạnh An	DC	xã Trung An	H. Củ Chi	10° 59' 49"	106° 34' 21"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 15	KX	xã Trung An	H. Củ Chi			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-22-C-c; C-48-34-A-a
Đường tỉnh 8	KX	xã Trung An	H. Củ Chi			10°58'56"	106°38'30"	10°58'10"	106°29'04"	C-48-34-A-a
Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn	KX	xã Trung An	H. Củ Chi	10° 59' 21"	106° 34' 33"					C-48-34-A-a
đường Sông Lu	KX	xã Trung An	H. Củ Chi			10°58'53"	106°36'34"	10°59'59"	106°35'40"	C-48-34-A-a
nhà thờ Tân Quy	KX	xã Trung An	H. Củ Chi	10° 59' 15"	106° 34' 28"					C-48-34-A-a
rạch Bà Nga	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			10°59'18"	106°35'49"	10°59'52"	106°36'19"	C-48-34-A-a
rạch Bà Thậm	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°01'44"	106°35'04"	11°02'15"	106°35'15"	C-48-22-C-c
rạch Bàu Nhum	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°00'02"	106°35'04"	11°00'28"	106°35'02"	C-48-22-C-c
rạch Bảy Sườn	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°01'05"	106°35'17"	11°01'09"	106°35'43"	C-48-22-C-c
rạch Cây Da	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°01'11"	106°34'34"	11°01'29"	106°35'37"	C-48-22-C-c
rạch Chuối Nước	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°01'44"	106°35'04"	11°01'38"	106°35'36"	C-48-22-C-c
Rạch Kè	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°00'38"	106°34'23"	11°01'01"	106°35'47"	C-48-22-C-c
Rạch Kinh	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°01'30"	106°35'06"	11°01'33"	106°35'36"	C-48-22-C-c
rạch Láng The	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			10°59'48"	106°32'13"	11°02'22"	106°34'52"	C-48-22-C-c
Sông Lu	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°00'50"	106°36'12"	10°59'41"	106°36'53"	C-48-34-A-a
sông Sài Gòn	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-22-C-c; C-48-34-A-a
Rạch Vỏ	TV	xã Trung An	H. Củ Chi			11°01'09"	106°35'13"	11°01'15"	106°35'41"	C-48-22-C-c
Ấp Đồn	DC	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 02' 14"	106° 27' 22"					C-48-21-D
ấp Lào Táo Trung	DC	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 01' 42"	106° 26' 44"					C-48-21-D
ấp Gia Bẹ	DC	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 01' 16"	106° 27' 27"					C-48-21-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Trảng Lắm	DC	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	10° 59' 54"	106° 28' 48"					C-48-33-B-b
ấp Trung Hòa	DC	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 02' 56"	106° 27' 19"					C-48-21-D
ấp Xóm Mới	DC	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 00' 31"	106° 28' 18"					C-48-21-D
Đường tỉnh 2	KX	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-21-D
Đường tỉnh 7	KX	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			11°05'22"	106°30'45"	10°58'59"	106°21'43"	C-48-21-D
cầu Đức Lập	KX	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 00' 58"	106° 28' 36"					C-48-21-D
cầu Kênh N31A-NTR	KX	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 00' 27"	106° 28' 05"					C-48-21-D
cầu Kênh N31A-ĐT7	KX	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi	11° 01' 58"	106° 26' 34"					C-48-21-D
đường Nguyễn Thị Rành	KX	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			10°58'41"	106°28'10"	11°07'48"	106°28'58"	C-48-21-D
kênh Đức Lập	TV	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			11°06'35"	106°26'17"	11°00'32"	106°30'00"	C-48-21-D
kênh N31A	TV	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-21-D; C-48-33-B-b
kênh T39	TV	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			11°01'07"	106°27'58"	11°01'53"	106°25'24"	C-48-21-D
kênh Quyết Thắng	TV	xã Trung Lập Hạ	H. Củ Chi			11°03'59"	106°25'33"	11°01'11"	106°28'32"	C-48-21-D
ấp Đồng Lớn	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 04' 49"	106° 26' 07"					C-48-21-D
ấp Lào Táo Thượng	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 02' 06"	106° 26' 27"					C-48-21-D
Ấp Ràng	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 04' 08"	106° 25' 54"					C-48-21-D
ấp Sa Nhỏ	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 06' 00"	106° 26' 16"					C-48-21-D
ấp Trung Bình	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 03' 00"	106° 26' 43"					C-48-21-D
ấp Trung Hiệp Thạnh	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 03' 38"	106° 26' 33"					C-48-21-D
ấp Trung Hưng	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 03' 29"	106° 25' 26"					C-48-21-D
ấp Vân Hàn	DC	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 02' 46"	106° 25' 48"					C-48-21-D
Đường tỉnh 2	KX	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			10°56'07"	106°32'56"	11°03'46"	106°25'11"	C-48-21-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 7	KX	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°05'22"	106°30'45"	10°58'59"	106°21'43"	C-48-21-D
cầu Kênh N25	KX	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 05' 04"	106° 26' 12"					C-48-21-D
cầu Kênh N31A-ĐT7	KX	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi	11° 01' 58"	106° 26' 34"					C-48-21-D
kênh N25	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°05'37"	106°28'53"	11°04'55"	106°25'35"	C-48-21-D
kênh N31A	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			10°56'45"	106°31'57"	11°02'39"	106°25'29"	C-48-21-D
kênh T39	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°01'07"	106°27'58"	11°01'53"	106°25'24"	C-48-21-D
Kênh Đông	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°05'00"	106°25'32"	11°00'00"	106°27'15"	C-48-21-D
kênh Đức Lập	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°06'35"	106°26'17"	11°00'32"	106°30'00"	C-48-21-D
kênh Quyết Thắng	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°03'59"	106°25'33"	11°01'11"	106°28'32"	C-48-21-D
rạch Thai Thai	TV	xã Trung Lập Thương	H. Củ Chi			11°05'24"	106°25'33"	11°08'33"	106°28'37"	C-48-21-D
Khu phố 1	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 05"	106° 35' 28"					C-48-34-A-a
Khu phố 2	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 13"	106° 35' 23"					C-48-34-A-a
Khu phố 3	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 19"	106° 35' 17"					C-48-34-A-a
Khu phố 4	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 26"	106° 35' 30"					C-48-34-A-a
Khu phố 5	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 23"	106° 35' 43"					C-48-34-A-a
Khu phố 6	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 34"	106° 35' 38"					C-48-34-A-a
Khu phố 7	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 24"	106° 35' 49"					C-48-34-A-a
Khu phố 8	DC	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 14"	106° 35' 51"					C-48-34-A-a
Quốc lộ 22	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a
đường Bà Triệu	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°52'44"	106°35'23"	10°53'22"	106°35'40"	C-48-34-A-a
đường Lê Lợi	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°54'05"	106°34'25"	10°53'23"	106°35'36"	C-48-34-A-a
đường Lê Thị Hà	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°52'17"	106°35'41"	10°53'22"	106°35'47"	C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lý Thường Kiệt	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°53'06"	106°35'07"	10°53'23"	106°35'36"	C-48-34-A-a
đường Quang Trung	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°53'23"	106°35'36"	10°53'20"	106°36'02"	C-48-34-A-a
đường song hành Quốc lộ 22	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°49'39"	106°37'31"	10°53'37"	106°35'12"	C-48-34-A-a
đình Thị Trấn	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 25"	106° 35' 36"					C-48-34-A-a
rạch Hóc Môn	TV	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°53'02"	106°36'17"	10°54'28"	106°35'55"	C-48-34-A-a
đường Trưng Nữ Vương	KX	TT. Hóc Môn	H. Hóc Môn			10°53'22"	106°35'41"	10°53'38"	106°35'44"	C-48-34-A-a
ấp Bắc Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 51' 04"	106° 35' 44"					C-48-34-A-c
ấp Đông Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 45"	106° 36' 33"					C-48-34-A-c
ấp Đông Lân 1	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 35"	106° 36' 33"					C-48-34-A-c
ấp Hậu Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 51' 02"	106° 36' 08"					C-48-34-A-c
ấp Hưng Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 51' 14"	106° 36' 01"					C-48-34-A-c
ấp Nam Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 20"	106° 36' 12"					C-48-34-A-c
ấp Tây Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 46"	106° 35' 40"					C-48-34-A-c
ấp Tiền Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 12"	106° 35' 39"					C-48-34-A-c
ấp Tiền Lân 1	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 49' 48"	106° 35' 58"					C-48-34-A-c
ấp Trung Lân	DC	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 35"	106° 36' 05"					C-48-34-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°53'07"	106°48'54"	10°39'26"	106°33'15"	C-48-34-A-c
Quốc lộ 22	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-c
cầu Bình Phú Tây	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 49' 38"	106° 36' 06"					C-48-34-A-c
chùa Giác Hoàng	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 17"	106° 35' 54"					C-48-34-A-c
Công ty Giầy Nghi Long	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 21"	106° 35' 17"					C-48-34-A-c
chùa Linh Sơn	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 51' 26"	106° 36' 15"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Ảnh Thủ	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°50'20"	106°35'41"	10°52'38"	106°38'50"	C-48-34-A-c
đường Phan Văn Đối	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°49'51"	106°35'36"	10°50'26"	106°35'55"	C-48-34-A-c
đường Phan Văn Hớn	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°49'41"	106°37'24"	10°52'09"	106°33'23"	C-48-34-A-c
chùa Thiên Đức	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn	10° 50' 33"	106° 36' 35"					C-48-34-A-c
đường Vĩnh Lộc	KX	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°46'18"	106°33'00"	10°49'51"	106°35'36"	C-48-34-A-c
rạch Cầu Sa	TV	xã Bà Điểm	H. Hóc Môn			10°50'21"	106°34'31"	10°49'15"	106°36'50"	C-48-34-A-c
Ấp 1	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 06"	106° 37' 25"					C-48-34-A-a
Ấp 2	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 20"	106° 37' 50"					C-48-34-A-b
Ấp 3	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 54"	106° 38' 52"					C-48-34-A-b
Ấp 4	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 29"	106° 38' 58"					C-48-34-A-b
Ấp 5	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 18"	106° 38' 45"					C-48-34-A-b
Ấp 6	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 53' 49"	106° 37' 52"					C-48-34-A-b
Ấp 7	DC	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 18"	106° 38' 18"					C-48-34-A-b
cầu Bà Mễnh	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 55' 08"	106° 39' 02"					C-48-34-A-b
cầu Bà Năm	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 54' 29"	106° 39' 17"					C-48-34-A-b
đường Bùi Công Trừng	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'50"	106°41'14"	10°54'37"	106°38'34"	C-48-34-A-b
đường Đặng Thúc Vịnh	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'20"	106°36'02"	10°55'15"	106°38'51"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Cầu Dừa	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 53' 45"	106° 38' 42"					C-48-34-A-b
đường Lê Văn Khương	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°51'47"	106°38'53"	10°54'37"	106°38'33"	C-48-34-A-b; C-48-34-A-d
cầu Rạch Tra	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn	10° 55' 15"	106° 38' 51"					C-48-34-A-b
đường Trịnh Thị Dối	KX	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'35"	106°38'03"	10°54'54"	106°38'49"	C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà May	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°54'48"	106°38'01"	10°55'02"	106°37'57"	C-48-34-A-b
rạch Bà Mễnh	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°54'19"	106°39'24"	10°55'14"	106°39'05"	C-48-34-A-b
sông Bến Cát	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'45"	106°39'02"	10°50'26"	106°42'02"	C-48-34-A-b
rạch Bến Đá	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'45"	106°39'02"	10°54'20"	106°39'29"	C-48-34-A-b
rạch Cầu Dừa	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'35"	106°38'03"	10°53'45"	106°39'02"	C-48-34-A-b
sông Rạch Tra	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°55'09"	106°35'50"	10°55'37"	106°39'21"	C-48-34-A-b
rạch Rỗng Gòn	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°54'08"	106°40'09"	10°54'19"	106°39'24"	C-48-34-A-b
rạch Rỗng Lớn	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'51"	106°37'17"	10°54'49"	106°36'56"	C-48-34-A-a
rạch Rõng Lương	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'36"	106°39'05"	10°53'24"	106°40'18"	C-48-34-A-b
rạch Rỗng Trâm	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°53'36"	106°39'05"	10°53'24"	106°40'18"	C-48-34-A-b
Rạch Tra	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°54'28"	106°35'55"	10°54'56"	106°37'13"	C-48-34-A-a
kênh Trần Quang Cơ	TV	xã Đông Thạnh	H. Hóc Môn			10°52'56"	106°37'34"	10°53'35"	106°38'03"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Ấp 1	DC	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 54' 52"	106° 39' 44"					C-48-34-A-b
Ấp 2	DC	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 54' 30"	106° 40' 46"					C-48-34-A-b
Ấp 3	DC	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 54' 31"	106° 41' 15"					C-48-34-A-b
Ấp 4	DC	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 55' 10"	106° 40' 27"					C-48-34-A-b
cầu Bà Hồng	KX	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 54' 44"	106° 40' 55"					C-48-34-A-b
cầu Bà Mễnh	KX	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 55' 08"	106° 39' 02"					C-48-34-A-b
cầu Bà Năm	KX	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 54' 29"	106° 39' 17"					C-48-34-A-b
đường Bùi Công Trừng	KX	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°53'50"	106°41'14"	10°54'37"	106°38'34"	C-48-34-A-b
Cầu Võng	KX	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn	10° 54' 08"	106° 41' 10"					C-48-34-A-b
rạch Bà Hồng	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°54'28"	106°39'19"	10°54'53"	106°41'14"	C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Mễnh	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°54'19"	106°39'24"	10°55'14"	106°39'05"	C-48-34-A-b
rạch Bến Đá	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°53'45"	106°39'02"	10°54'20"	106°39'29"	C-48-34-A-b
rạch Cầu Võng	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°54'08"	106°40'09"	10°54'19"	106°41'27"	C-48-34-A-b
Rạch Nhum	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°54'31"	106°39'19"	10°55'20"	106°39'56"	C-48-34-A-b
sông Rạch Tra	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°55'09"	106°35'50"	10°55'37"	106°39'21"	C-48-34-A-b
rạch Rỗng Gòn	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			10°54'08"	106°40'09"	10°54'19"	106°39'24"	C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	xã Nhị Bình	H. Hóc Môn			11°08'12"	106°26'45"	10°44'36"	106°45'58"	C-48-34-A-b
ấp Tân Thới 1	DC	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 53' 54"	106° 35' 36"					C-48-34-A-a
ấp Tân Thới 2	DC	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 53' 44"	106° 35' 10"					C-48-34-A-a
ấp Tân Thới 3	DC	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 54' 22"	106° 34' 52"					C-48-34-A-a
ấp Thới Tây 1	DC	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 54' 56"	106° 35' 11"					C-48-34-A-a
ấp Thới Tây 2	DC	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 54' 32"	106° 35' 33"					C-48-34-A-a
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 54' 56"	106° 35' 51"					C-48-34-A-a
Đường tỉnh 15	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°55'08"	106°35'55"	11°09'21"	106°26'59"	C-48-34-A-a
Quốc lộ 22	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a
cầu An Hạ	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 55' 09"	106° 33' 40"					C-48-34-A-a
đường Đỗ Văn Dậy	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°53'38"	106°35'44"	10°55'08"	106°35'55"	C-48-34-A-a
đường Lê Lợi	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°54'05"	106°34'25"	10°53'23"	106°35'36"	C-48-34-A-a
đường Trịnh Thị Miếng	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°52'17"	106°36'48"	10°54'12"	106°35'52"	C-48-34-A-a
Cầu Xáng	KX	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn	10° 55' 08"	106° 35' 55"					C-48-34-A-a
kênh Đường Đò	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°56'19"	106°35'47"	10°55'09"	106°35'50"	C-48-34-A-a
rạch Hóc Môn	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°53'02"	106°36'17"	10°54'28"	106°35'55"	C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Địa Phận	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°59'48"	106°32'13"	10°55'14"	106°35'02"	C-48-34-A-a
sông Rạch Tra	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°55'09"	106°35'50"	10°55'37"	106°39'21"	C-48-34-A-a
kênh T1	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°54'14"	106°34'39"	10°55'14"	106°34'01"	C-48-34-A-a
kênh T2	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°54'28"	106°34'52"	10°55'15"	106°34'19"	C-48-34-A-a
kênh T3	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°54'32"	106°34'48"	10°55'15"	106°34'39"	C-48-34-A-a
Rạch Tra	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°54'28"	106°35'55"	10°54'56"	106°37'13"	C-48-34-A-a
Kênh Xáng	TV	xã Tân Hiệp	H. Hóc Môn			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-34-A-a
ấp Dân Thắng 1	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 22"	106° 34' 46"					C-48-34-A-a
ấp Dân Thắng 2	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 35"	106° 34' 56"					C-48-34-A-a
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 46"	106° 34' 09"					C-48-34-A-a
ấp Thống Nhất 1	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 50"	106° 34' 42"					C-48-34-A-a
ấp Thống Nhất 2	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 45"	106° 34' 36"					C-48-34-A-a
ấp Nhị Tân	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 36"	106° 34' 20"					C-48-34-A-a
ấp Nhị Tân 1	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 57"	106° 34' 25"					C-48-34-A-a
ấp Nhị Tân 2	DC	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 54' 07"	106° 33' 04"					C-48-34-A-a
Quốc lộ 22	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a
cầu An Hạ	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 55' 09"	106° 33' 40"					C-48-34-A-a
đường Đặng Công Bỉnh	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°55'08"	106°33'41"	10°52'22"	106°32'01"	C-48-34-A-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Đông Á Sài Gòn	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn	10° 53' 20"	106° 34' 06"					C-48-34-A-a
đường Dương Công Khi	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°54'05"	106°34'25"	10°50'57"	106°33'47"	C-48-34-A-a
đường Lê Lợi	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°54'05"	106°34'25"	10°53'23"	106°35'36"	C-48-34-A-a
đường song hành Quốc lộ 22	KX	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°49'39"	106°37'31"	10°53'37"	106°35'12"	C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°55'01"	106°32'16"	10°54'09"	106°32'30"	C-48-34-A-a
Kênh 5	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°53'51"	106°32'51"	10°53'12"	106°33'46"	C-48-34-A-a
kênh 12	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°53'27"	106°32'37"	10°53'54"	106°31'50"	C-48-34-A-a
kênh 13	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°53'56"	106°32'53"	10°54'37"	106°31'37"	C-48-34-A-a
kênh An Hạ	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°55'05"	106°33'34"	10°47'24"	106°30'09"	C-48-34-A-a
kênh Trung ương	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°47'31"	106°33'13"	10°55'08"	106°33'39"	C-48-34-A-a
Kênh Xáng	TV	xã Tân Thới Nhì	H. Hóc Môn			10°55'09"	106°35'50"	10°59'33"	106°21'17"	C-48-34-A-a
ấp Chánh 1	DC	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 42"	106° 36' 03"					C-48-34-A-a
ấp Chánh 2	DC	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 17"	106° 35' 53"					C-48-34-A-c
Ấp Đình	DC	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 32"	106° 35' 41"					C-48-34-A-a
ấp Mới 1	DC	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 37"	106° 36' 19"					C-48-34-A-a
ấp Mỹ Hòa 3	DC	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 05"	106° 36' 06"					C-48-34-A-c
Quốc lộ 22	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
đường Bà Triệu	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn			10°52'44"	106°35'23"	10°53'22"	106°35'40"	C-48-34-A-a
đường Lê Thị Hà	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn			10°52'17"	106°35'41"	10°53'22"	106°35'47"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2)	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 51' 59"	106° 35' 56"					C-48-34-A-c
đường song hành Quốc lộ 22	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn			10°49'39"	106°37'31"	10°53'37"	106°35'12"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Tân Thới Trung	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 32"	106° 35' 42"					C-48-34-A-a
đường Tô Ký	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn			10°51'07"	106°37'38"	10°53'20"	106°36'02"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
chùa Vạn Phước	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 35"	106° 36' 03"					C-48-34-A-a
Công ty liên doanh Việt Đài	KX	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn	10° 52' 50"	106° 35' 31"					C-48-34-A-a
rạch Hóc Môn	TV	xã Tân Xuân	H. Hóc Môn			10°53'02"	106°36'17"	10°54'28"	106°35'55"	C-48-34-A-a
Ấp Đông	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 52' 28"	106° 36' 46"					C-48-34-A-c
ấp Đông 1	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 52' 47"	106° 37' 10"					C-48-34-A-a
ấp Nam Thới	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 31"	106° 35' 56"					C-48-34-A-a
ấp Tam Đông	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 15"	106° 36' 30"					C-48-34-A-a
ấp Tam Đông 1	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 52' 54"	106° 36' 31"					C-48-34-A-a
ấp Tam Đông 2	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 08"	106° 37' 04"					C-48-34-A-a
ấp Tam Đông 3	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 30"	106° 37' 02"					C-48-34-A-a
ấp Thới Tứ	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 51"	106° 36' 16"					C-48-34-A-a
ấp Thới Tứ 1	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 33"	106° 36' 22"					C-48-34-A-a
ấp Thới Tứ 2	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 54' 04"	106° 36' 12"					C-48-34-A-a
Chùa Bà	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 51"	106° 36' 39"					C-48-34-A-a
đường Bùi Văn Ngữ	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°52'17"	106°36'47"	10°52'20"	106°37'04"	C-48-34-A-c
đường Đặng Thúc Vịnh	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°53'20"	106°36'02"	10°55'15"	106°38'51"	C-48-34-A-a
đường Nguyễn Ảnh Thủ	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°50'20"	106°35'41"	10°52'38"	106°38'50"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b; C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Quang Trung	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°53'23"	106°35'36"	10°53'20"	106°36'02"	C-48-34-A-a
chùa Thiền Lâm	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 22"	106° 36' 05"					C-48-34-A-a
sân banh Thới Tứ	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 27"	106° 36' 47"					C-48-34-A-a
đường Tô Ký	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°51'07"	106°37'38"	10°53'20"	106°36'02"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
đường Trịnh Thị Miếng	KX	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°52'17"	106°36'48"	10°54'12"	106°35'52"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
rạch Hóc Môn	TV	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°53'02"	106°36'17"	10°54'28"	106°35'55"	C-48-34-A-a
rạch Rỗng Lớn	TV	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°53'51"	106°37'17"	10°54'49"	106°36'56"	C-48-34-A-a
rạch Ông Hồ	TV	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°54'14"	106°36'37"	10°54'46"	106°36'41"	C-48-34-A-a
Rạch Tra	TV	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°54'28"	106°35'55"	10°54'56"	106°37'13"	C-48-34-A-a
kênh Trần Quang Cơ	TV	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn			10°52'56"	106°37'34"	10°53'35"	106°38'03"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
ấp Trung Đông	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 54"	106° 36' 38"					C-48-34-A-a
ấp Trung Đông 1	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 53' 47"	106° 37' 00"					C-48-34-A-a
ấp Trung Đông 2	DC	xã Thới Tam Môn	H. Hóc Môn	10° 54' 09"	106° 36' 36"					C-48-34-A-a
ấp Mới 2	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 52' 27"	106° 36' 25"					C-48-34-A-c
ấp Mỹ Hòa 1	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 51' 54"	106° 36' 10"					C-48-34-A-c
ấp Mỹ Huề	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 52' 18"	106° 36' 35"					C-48-34-A-c
ấp Trung Chánh 1	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 51' 47"	106° 36' 30"					C-48-34-A-c
ấp Trung Chánh 2	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 51' 37"	106° 36' 18"					
ấp Trung Mỹ Tây	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 51' 57"	106° 36' 30"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vạn Hạnh	DC	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 52' 03"	106° 36' 39"					C-48-34-A-c
Quốc lộ 22	KX	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-c
đường Nguyễn Ảnh Thủ	KX	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn			10°50'20"	106°35'41"	10°52'38"	106°38'50"	C-48-34-A-c
đường song hành Quốc lộ 22	KX	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn			10°49'39"	106°37'31"	10°53'37"	106°35'12"	C-48-34-A-c
chùa Thiên Quang	KX	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn	10° 52' 11"	106° 36' 37"					C-48-34-A-c
đường Tô Ký	KX	xã Trung Chánh	H. Hóc Môn			10°51'07"	106°37'38"	10°53'20"	106°36'02"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
ấp Mỹ Hòa 2	DC	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 51' 31"	106° 36' 07"					C-48-34-A-c
ấp Mỹ Hòa 4	DC	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 51' 48"	106° 35' 59"					C-48-34-A-c
ấp Tân Tiến	DC	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 52' 01"	106° 35' 36"					C-48-34-A-c
ấp Xuân Thới Đông 1	DC	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 52' 06"	106° 35' 07"					C-48-34-A-c
ấp Xuân Thới Đông 2	DC	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 52' 25"	106° 35' 24"					C-48-34-A-c
ấp Xuân Thới Đông 3	DC	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 52' 05"	106° 35' 18"					C-48-34-A-c
Quốc lộ 22	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-c
nhà thờ Bùi Môn	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 52' 08"	106° 35' 41"					C-48-34-A-c
Công ty Dệt May Việt Tiến	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 51' 52"	106° 35' 52"					C-48-34-A-c
chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 51' 38"	106° 35' 58"					C-48-34-A-c
đường Trần Văn Mười	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn			10°52'44"	106°35'22"	10°51'03"	106°35'10"	C-48-34-A-c
tu viện Trinh Vương	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 52' 05"	106° 35' 34"					C-48-34-A-c
nhà di tích Xứ ủy Nam Kỳ	KX	xã Xuân Thới Đông	H. Hóc Môn	10° 51' 46"	106° 35' 18"					C-48-34-A-c
Ấp 1	DC	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 53' 01"	106° 34' 47"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 2	DC	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 52"	106° 34' 56"					C-48-34-A-a
Ấp 3	DC	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 24"	106° 34' 50"					C-48-34-A-c
Ấp 4	DC	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 28"	106° 34' 10"					C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 44"	106° 32' 16"					C-48-34-A-a
Ấp 6	DC	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 59"	106° 34' 21"					C-48-34-A-a
Quốc lộ 22	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°50'37"	106°36'49"	11°00'59"	106°24'25"	C-48-34-A-a
đường Đặng Công Bỉnh	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°55'08"	106°33'41"	10°55'22"	106°32'01"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
đường Dương Công Khi	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°54'05"	106°34'25"	10°50'57"	106°33'47"	C-48-34-A-a C-48-34-A-c
Trung tâm Giáo dục dạy nghề và Giải quyết việc làm Nhị Xuân	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 53' 17"	106° 32' 36"					C-48-34-A-a
Khu công nghiệp Khánh Đông	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 45"	106° 35' 11"					C-48-34-A-a
Cầu Lớn	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 22"	106° 31' 59"					C-48-34-A-c
đường Nguyễn Văn Bứa	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°53'06"	106°35'07"	10°52'29"	106°31'27"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
Khu công nghiệp Nhị Xuân	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 50"	106° 31' 48"					C-48-34-A-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Sambu Vina Sports	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 21"	106° 34' 08"					C-48-34-A-c
Nhà máy Thuốc lá 27 Tháng 7	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn	10° 52' 54"	106° 33' 48"					C-48-34-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Văn Mười	KX	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°52'44"	106°35'22"	10°51'03"	106°35'10"	C-48-34-A-c
Kênh 5	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°53'51"	106°32'51"	10°53'12"	106°33'46"	C-48-34-A-a
Kênh 6	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°53'31"	106°32'39"	10°52'57"	106°33'20"	C-48-34-A-a
Kênh 9	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°52'24"	106°33'37"	10°53'12"	106°32'28"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
Kênh 10	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°52'43"	106°32'11"	10°52'28"	106°33'19"	C-48-34-A-a
Kênh 11	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°52'59"	106°32'20"	10°53'22"	106°31'41"	C-48-34-A-a
Kênh 12	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°53'27"	106°32'37"	10°53'54"	106°31'50"	C-48-34-A-a
kênh An Hạ	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°55'05"	106°33'34"	10°47'24"	106°30'09"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
kênh Trung ương	TV	xã Xuân Thới Sơn	H. Hóc Môn			10°47'31"	106°33'13"	10°55'08"	106°33'39"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-c
Ấp 1	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 51' 26"	106° 33' 37"					C-48-34-A-c
Ấp 2	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 51' 16"	106° 34' 47"					C-48-34-A-c
Ấp 3	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 51' 19"	106° 35' 20"					C-48-34-A-c
Ấp 4	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 51' 45"	106° 34' 04"					C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 52' 01"	106° 34' 03"					C-48-34-A-c
Ấp 6	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 52' 18"	106° 32' 07"					C-48-34-A-c
Ấp 7	DC	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 50' 53"	106° 35' 07"					C-48-34-A-c
Công ty cổ phần Delta	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 51' 34"	106° 32' 08"					C-48-34-A-c
đường Dương Công Khi	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°54'05"	106°34'25"	10°50'57"	106°33'47"	C-48-34-A-c
Cầu Lớn	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 52' 22"	106° 31' 59"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn	10° 52' 09"	106° 33' 34"					C-48-34-A-c
đường Nguyễn Văn Bứa	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°53'06"	106°35'07"	10°52'29"	106°31'27"	C-48-34-A-c
đường Phan Văn Hớn	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°49'41"	106°37'24"	10°52'09"	106°33'23"	C-48-34-A-c
đường Trần Văn Mười	KX	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°52'44"	106°35'22"	10°51'03"	106°35'10"	C-48-34-A-c
Kênh 7	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°50'39"	106°32'35"	10°50'55"	106°31'37"	C-48-34-A-c
Kênh 8	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°51'11"	106°32'43"	10°51'24"	106°31'44"	C-48-34-A-c
Kênh 9	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°51'39"	106°32'50"	10°51'51"	106°31'51"	C-48-34-A-c
Kênh 10	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°52'08"	106°32'57"	10°52'18"	106°31'58"	C-48-34-A-c
kênh An Hạ	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°55'05"	106°33'34"	10°47'24"	106°30'09"	C-48-34-A-c
rạch Cầu Sa	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°50'21"	106°34'31"	10°49'15"	106°36'50"	C-48-34-A-c
kênh Trung ương	TV	xã Xuân Thới Thượng	H. Hóc Môn			10°47'31"	106°33'13"	10°55'08"	106°33'39"	C-48-34-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 42' 08"	106° 44' 22"					C-48-34-C-b
Khu phố 5	DC	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 42' 00"	106° 44' 05"					C-48-34-C-b
Khu phố 6	DC	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 41' 41"	106° 44' 14"					C-48-34-C-b
Khu phố 7	DC	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 41' 16"	106° 44' 35"					C-48-34-C-b
Kho A	KX	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 42' 05"	106° 44' 39"					C-48-34-C-b
Kho B	KX	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 41' 45"	106° 44' 47"					C-48-34-C-b
đường Huỳnh Tấn Phát	KX	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè			10°45'23"	106°43'12"	10°40'30"	106°45'56"	C-48-34-C-b
cầu Phú Xuân	KX	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè	10° 42' 16"	106° 44' 10"					C-48-34-C-b
sông Nhà Bè	TV	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè			10°44'36"	106°45'58"	10°39'59"	106°44'13"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Ông	TV	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè			10°41'27"	106°43'55"	10°41'05"	106°43'33"	C-48-34-C-b
sông Phú Xuân	TV	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè			10°42'47"	106°43'24"	10°42'26"	106°45'00"	C-48-34-C-b
Rạch Tôm	TV	TT. Nhà Bè	H. Nhà Bè			10°42'03"	106°43'29"	10°40'19"	106°40'36"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 38' 09"	106° 44' 00"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 36' 10"	106° 46' 02"					C-48-34-D-c
Ấp 3	DC	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 36' 08"	106° 44' 25"					C-48-34-C-d
Ấp 4	DC	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 36' 00"	106° 43' 29"					C-48-34-C-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện lực Hiệp Phước	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 38' 35"	106° 44' 45"					C-48-34-C-b
cầu Đồn Điền	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 38' 37"	106° 44' 29"					C-48-34-C-b
cầu Hiệp Phước	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 38' 19"	106° 43' 57"					C-48-34-C-b
Khu công nghiệp Hiệp Phước	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 38' 20"	106° 45' 02"					C-48-34-D-a
nhà truyền thống Huyện Nhà Bè	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 36' 10"	106° 44' 22"					C-48-34-C-d
cầu Kinh Lộ	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 36' 04"	106° 44' 26"					C-48-34-C-d
đường Nguyễn Văn Tạo	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°38'16"	106°43'58"	10°34'48"	106°44'20"	C-48-34-C-b; C-48-34-C-d
tuyến đò Rạch Giồng	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 36' 13"	106° 43' 05"					C-48-34-C-d
Công ty Xi măng Nghi Sơn (Trạm phân phối Hiệp Phước)	KX	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè	10° 38' 31"	106° 45' 14"					C-48-34-D-a
rạch Bà Đăng	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'02"	106°43'13"	10°35'34"	106°43'19"	C-48-34-C-d
rạch Bà Rùa	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°37'38"	106°44'05"	10°37'48"	106°43'54"	C-48-34-C-b; C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Tàu	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'18"	106°46'07"	10°35'45"	106°46'12"	C-48-34-D-c
rạch Bà Tư	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'30"	106°44'44"	10°36'03"	106°44'44"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Dừa	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'35"	106°43'37"	10°38'06"	106°43'46"	C-48-34-C-b; C-48-34-C-d
rạch Bàu Le	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'39"	106°43'52"	10°36'06"	106°44'12"	C-48-34-C-d
sông Bến Tranh	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'29"	106°43'14"	10°36'25"	106°43'02"	C-48-34-C-d
sông Đồng Điền	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°39'15"	106°42'08"	10°39'01"	106°44'49"	C-48-34-C-b
rạch Đường Thép	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'34"	106°44'29"	10°34'48"	106°44'23"	C-48-34-C-d
rạch Cây Bướm	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'28"	106°43'11"	10°35'57"	106°43'34"	C-48-34-C-d
rạch Chà Là	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'29"	106°44'24"	10°36'30"	106°44'44"	C-48-34-C-d
Rạch Chim	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'03"	106°43'31"	10°34'38"	106°44'38"	C-48-34-C-d
rạch Chim Bà Liên	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'34"	106°43'19"	10°35'03"	106°43'31"	C-48-34-C-d
rạch Dinh Ông	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°38'13"	106°45'17"	10°37'38"	106°45'15"	C-48-34-D-a
Rạch Già	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'03"	106°44'47"	10°34'55"	106°45'15"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
Rạch Giồng	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'25"	106°43'02"	10°36'03"	106°44'28"	C-48-34-C-d
rạch Giồng Chồn	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'03"	106°44'28"	10°35'54"	106°45'21"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
sông Kinh Lộ	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'03"	106°44'28"	10°34'49"	106°44'50"	C-48-34-C-d
rạch Lò Than	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'53"	106°46'08"	10°35'35"	106°46'53"	C-48-34-D-c
rạch Mô Đá	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°37'35"	106°44'16"	10°36'55"	106°45'33"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mương Bằng	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'11"	106°43'40"	10°35'52"	106°43'55"	C-48-34-C-d
rạch Mương Đình	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'33"	106°43'30"	10°35'58"	106°43'10"	C-48-34-C-d
rạch Mương Lớn	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'53"	106°44'42"	10°37'06"	106°46'08"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
rạch Ngã Tư	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'03"	106°44'28"	10°36'53"	106°44'42"	C-48-34-C-d
rạch Ông Dên	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'32"	106°46'17"	10°34'39"	106°46'11"	C-48-34-D-c
rạch Ông Dò	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'54"	106°45'21"	10°36'01"	106°46'03"	C-48-34-D-c
sông Soài Rạp	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°39'59"	106°44'13"	10°22'30"	106°48'51"	C-48-34-C-b; C-48-34-C-d; C-48-34-D-a; C-48-34-D-c
rạch Sóc Vàm	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'53"	106°46'08"	10°36'41"	106°46'20"	C-48-34-D-c
rạch Tắc Lầu	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'43"	106°44'04"	10°35'31"	106°44'37"	C-48-34-C-d
rạch Tắc Vàm Châu	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°36'47"	106°43'20"	10°36'13"	106°43'32"	C-48-34-C-d
rạch Thầy Cai	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°35'59"	106°45'12"	10°35'50"	106°44'55"	C-48-34-C-d; C-48-34-D-c
Rạch Vộp	TV	xã Hiệp Phước	H. Nhà Bè			10°37'54"	106°44'03"	10°37'42"	106°46'09"	C-48-34-D-a; C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Long Thới	H. Nhà Bè	10° 38' 30"	106° 43' 55"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Long Thới	H. Nhà Bè	10° 39' 05"	106° 43' 39"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Long Thới	H. Nhà Bè	10° 40' 01"	106° 43' 26"					C-48-34-C-b
cầu Đồn Điền	KX	xã Long Thới	H. Nhà Bè	10° 38' 37"	106° 44' 29"					C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Hiệp Phước	KX	xã Long Thới	H. Nhà Bè	10° 38' 19"	106° 43' 57"					C-48-34-C-b
đình Long Thới	KX	xã Long Thới	H. Nhà Bè	10° 39' 33"	106° 43' 35"					C-48-34-C-b
rạch Bà Chồi	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'09"	106°43'33"	10°38'50"	106°43'12"	C-48-34-C-b
rạch Bà Chùa	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'35"	106°43'02"	10°40'15"	106°43'10"	C-48-34-C-b
rạch Bảy Đườm	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'51"	106°43'28"	10°38'55"	106°43'26"	C-48-34-C-b
rạch Cống Cầu	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°38'47"	106°43'40"	10°38'35"	106°43'18"	C-48-34-C-b
Rạch Dơi	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'15"	106°42'08"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
sông Đồng Điền	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'15"	106°42'08"	10°39'01"	106°44'49"	C-48-34-C-b
rạch Khe Giữa	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°38'49"	106°43'50"	10°40'05"	106°43'40"	C-48-34-C-b
rạch Lấp Dầu	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'27"	106°43'20"	10°39'15"	106°42'08"	C-48-34-C-b
sông Mương Chuối	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°40'54"	106°43'27"	10°39'59"	106°44'13"	C-48-34-C-b
sông Soài Rạp	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°39'59"	106°44'13"	10°22'30"	106°48'51"	C-48-34-C-b
tắc Thầy Cai	TV	xã Long Thới	H. Nhà Bè			10°40'10"	106°43'12"	10°40'20"	106°41'35"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 35"	106° 43' 27"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 36"	106° 42' 21"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 27"	106° 41' 44"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 39' 31"	106° 41' 17"					C-48-34-C-b
cầu Bà Sáu	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 32"	106° 42' 19"					C-48-34-C-b
chùa Đức Phú	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 28"	106° 42' 33"					C-48-34-C-b
đường Lê Văn Lương	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°45'10"	106°42'12"	10°39'25"	106°41'08"	C-48-34-C-b
cầu Long Kiển	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 41' 24"	106° 42' 02"					C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Mương Chuối	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 23"	106° 43' 32"					C-48-34-C-b
cầu Rạch Dơi	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 39' 25"	106° 41' 08"					C-48-34-C-b
Trung tâm Văn hóa xã Nhơn Đức	KX	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè	10° 40' 58"	106° 41' 52"					C-48-34-C-b
rạch Bà Chiêm	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'30"	106°43'31"	10°40'15"	106°43'10"	C-48-34-C-b
rạch Bà Chùa	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°39'35"	106°43'02"	10°40'15"	106°43'10"	C-48-34-C-b
rạch Bà Lào	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°43'36"	106°39'39"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
rạch Bà Minh	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'15"	106°43'10"	10°39'55"	106°42'48"	C-48-34-C-b
rạch Ba Não	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'20"	106°41'33"	10°39'37"	106°41'00"	C-48-34-C-b
rạch Ba Não	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'06"	106°41'52"	10°39'23"	106°41'10"	C-48-34-C-b
rạch Bãi Lê	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'25"	106°42'34"	10°40'22"	106°43'12"	C-48-34-C-b
Rạch Dơi	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°39'15"	106°42'08"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
tắc Long Kiểng	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°41'43"	106°40'51"	10°41'35"	106°41'48"	C-48-34-C-b
sông Mương Chuối	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'54"	106°43'27"	10°39'59"	106°44'13"	C-48-34-C-b
sông Phước Kiển	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°41'35"	106°41'48"	10°40'53"	106°43'06"	C-48-34-C-b
tắc Thầy Cai	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°40'10"	106°43'12"	10°40'20"	106°41'35"	C-48-34-C-b
Rạch Tôm	TV	xã Nhơn Đức	H. Nhà Bè			10°42'03"	106°43'29"	10°40'19"	106°40'36"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 23"	106° 43' 42"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 38"	106° 44' 33"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 41' 10"	106° 44' 31"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 41' 08"	106° 45' 07"					C-48-34-D-a
Ấp 5	DC	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 32"	106° 45' 34"					C-48-34-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 6	DC	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 38"	106° 45' 36"					C-48-34-D-a
tuyến phà Bình Khánh	KX	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 11"	106° 46' 15"					C-48-34-D-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng và Sửa tàu Hải Minh	KX	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 20"	106° 45' 56"					C-48-34-D-a
đường Huỳnh Tấn Phát	KX	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè			10°45'23"	106°43'12"	10°40'30"	106°45'56"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a
cầu Mương Chuối	KX	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 23"	106° 43' 32"					C-48-34-C-b
tuyến phà Phước Khánh	KX	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè	10° 40' 31"	106° 46' 20"					C-48-34-D-a
sông Mương Chuối	TV	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè			10°40'54"	106°43'27"	10°39'59"	106°44'13"	C-48-34-C-b
rạch Mương Ngang	TV	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè			10°40'44"	106°44'38"	10°40'42"	106°43'33"	C-48-34-C-b
sông Nhà Bè	TV	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè			10°44'36"	106°45'58"	10°39'59"	106°44'13"	C-48-34-C-b; C-48-34-D-a
Rạch Ông	TV	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè			10°41'27"	106°43'55"	10°41'05"	106°43'33"	C-48-34-C-b
Rạch Tôm	TV	xã Phú Xuân	H. Nhà Bè			10°42'03"	106°43'29"	10°40'19"	106°40'36"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 41' 26"	106° 42' 09"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 41' 56"	106° 42' 13"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 42' 40"	106° 42' 02"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 42' 17"	106° 43' 15"					C-48-34-C-b
Ấp 5	DC	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 43' 24"	106° 41' 47"					C-48-34-C-b
cầu Cống Dinh	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 41' 38"	106° 42' 54"					C-48-34-C-b
đường Lê Văn Lương	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°45'10"	106°42'12"	10°39'25"	106°41'08"	C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Long Kiển	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 41' 24"	106° 42' 02"					C-48-34-C-b
cầu Ông Bốn	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 41' 52"	106° 42' 10"					C-48-34-C-b
cầu Phước Lộc	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 42' 41"	106° 41' 20"					C-48-34-C-b
cầu Phước Long	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 42' 15"	106° 43' 25"					C-48-34-C-b
cầu Rạch Đĩa	KX	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè	10° 43' 31"	106° 41' 46"					C-48-34-C-b
Rạch Bún	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°42'45"	106°42'58"	10°43'12"	106°42'57"	C-48-34-C-b
rạch Cây Bông	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°42'13"	106°42'47"	10°43'15"	106°42'27"	C-48-34-C-b
rạch Cống Dinh	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°41'58"	106°42'30"	10°41'06"	106°42'38"	C-48-34-C-b
Rạch Đỉa	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°43'35"	106°41'17"	10°43'25"	106°43'08"	C-48-34-C-b
Rạch Dơi	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°43'25"	106°43'08"	10°42'47"	106°43'24"	C-48-34-C-b
rạch Hộ Neo	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°43'00"	106°41'52"	10°43'35"	106°41'30"	C-48-34-C-b
rạch Ông Bốn	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°41'53"	106°41'40"	10°41'58"	106°42'30"	C-48-34-C-b
rạch Ông Lớn	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°45'11"	106°41'18"	10°41'35"	106°41'48"	C-48-34-C-b
sông Phú Xuân	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°42'47"	106°43'24"	10°42'26"	106°45'00"	C-48-34-C-b
sông Phước Kiển	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°41'35"	106°41'48"	10°40'53"	106°43'06"	C-48-34-C-b
Rạch Tôm	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°42'03"	106°43'29"	10°40'19"	106°40'36"	C-48-34-C-b
rạch Tư Ten	TV	xã Phước Kiển	H. Nhà Bè			10°42'05"	106°41'32"	10°42'38"	106°41'21"	C-48-34-C-b
Ấp 1	DC	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 42' 36"	106° 41' 07"					C-48-34-C-b
Ấp 2	DC	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 42' 27"	106° 41' 09"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 41' 19"	106° 40' 42"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 41' 59"	106° 40' 54"					C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Chưởng Thánh	KX	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 42' 21"	106° 41' 07"					C-48-34-C-b
đường Phạm Hùng	KX	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°44'57"	106°40'02"	10°42'17"	106°40'55"	C-48-34-C-b
đình Phước Lộc	KX	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 42' 11"	106° 40' 59"					C-48-34-C-b
cầu Phước Lộc	KX	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè	10° 42' 41"	106° 41' 20"					C-48-34-C-b
rạch Bà Lào	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°43'36"	106°39'39"	10°39'28"	106°41'01"	C-48-34-C-b
kênh Cây Khô	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°42'48"	106°41'13"	10°40'59"	106°40'40"	C-48-34-C-b
rạch Giáp Quạ	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°42'24"	106°40'23"	10°42'03"	106°40'59"	C-48-34-C-b
rạch Gò Nổi	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°42'56"	106°40'46"	10°41'35"	106°40'17"	C-48-34-C-b
tắc Long Kiểng	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°41'43"	106°40'51"	10°41'35"	106°41'48"	C-48-34-C-b
rạch Ông Lớn	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°45'11"	106°41'18"	10°41'35"	106°41'48"	C-48-34-C-b
rạch Tắc Bến Rô	TV	xã Phước Lộc	H. Nhà Bè			10°43'13"	106°40'39"	10°42'48"	106°41'13"	C-48-34-C-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng